

Số 12 — NĂM THỨ TAM — NHÂM-DẦN



TIÊN-HOÀ

NGUYẾT SAN

LIÊN HOA

NGUYỆT SAN



MỤC LỤC SỐ 12 NĂM THỨ 8

P. L 2506 — RẪM THÁNG 12 NĂM NHÂM-DẦN (10-1-1963)

Liên-Hoa phục vụ cho ai	<i>Liên-Hoa</i>
Thông bạch của Thượng-Tọa Trí-Sự-Trưởng	<i>G.H.T.G.V.N.</i>
Nếu	<i>Thích Tri-Chơn</i>
Vườn thơ đạo-lý	<i>Nhất-Như</i>
Lược Tân duy thức	<i>Thích Mật - Nguyễn</i>
Cuộc triển-lãm văn-hóa Nhật-Bản	<i>Huyền-Không</i>
Những người Giải-Thoát	<i>Thích-nữ Thề-Quán</i>
Bất biến (<i>Thơ</i>)	<i>Thi-Vũ</i>
Lược khảo các tôn phái trong Phật-giáo	<i>Thích Nguyễn-Hồng</i>
Hoàng hôn (<i>Thơ</i>)	<i>Minh-Trí</i>
Một giờ mười tội	<i>Dương Trường Giang</i>
Bức thư bỏ ngõ,	<i>Tám-Khai</i>
Nước tịnh rửa thù (<i>Kịch</i>)	<i>Hoàng-Ẩn</i>
Mách thuốc	<i>Bác-sĩ N. A.</i>
Tin tức	

Bìa do Họa-sĩ Phạm-đăng-Trí trình bày



GIÁO - HỘI TĂNG - GIÀ VIỆT - NAM

Trụ - sở Trung - Ương :

CHÙA AN - QUANG

243, đường Sư Vạn - Hạnh,

Cholon

Đ. T. 36.715

THÔNG - BẠCH

NAM-MÔ BỒN-SƯ THÍCH-CA MÃU-NI PHẬT

Kính gởi: Chư Thượng-tọa, Đại-đức Tăng, Ni
cùng toàn thể Phật-tử Việt-Nam

Thưa quý liệt-uj.

Theo truyền-thống dân-tộc, hằng năm đến ngày mùng 8 tháng 12 âm-lịch là toàn-thể các Chùa và Phật-tử khắp trong nước đều có cử-hành lễ long-trọng kỷ-niệm Đức Bồ-tát Shiddhartha thành-đạo.

Nhưng, hiện nay, Hội Phật-giáo Thế-giới kỷ-đạt-hội lớn thứ V tại thủ-đô Nam-Vang, đã minh-nhận các ngày lễ lớn trong Phật-giáo như Đản-sinh, Thành-đạo, Niết-bàn của Đức Phật đều là ngày trăng tròn của tháng 5 dương-lịch, tức ngày 15-4 âm-lịch làm ngày lễ chính.

Tuy nhiên, muốn duy-trì tập-quán tốt đẹp muôn đời của tổ tiên, trong năm nay, Tổng-Trị-Sự trân-trọng yêu cầu quý-uj « Ngày 8 tháng 12 A. L. » được tùy-phương-tiện tổ-chức lễ cúng-dâng Đức Phật. Nhưng Tổng-Trị-Sự cũng xin lưu-ý Quý-uj: không nên tổ-chức một cách quá to lớn — Việc tổ-chức lễ lớn sẽ đặc-biệt dành cho ngày 15 tháng 4 âm-lịch mỗi năm.

Và, dưới đây là đại-cương của chương-trình hành lễ ấy :

- 5 giờ : Các chùa Giáo-hội đều thỉnh 3 hồi chuông trống Bát-nhã mừng ngày đức Bồ-tát thành-đạo.
- 5 giờ-30 : Khóa tụng kinh « Thủ-Lãng-Nghiêm ».
- 9 giờ : Thuyết-pháp « Nót-ý-nghĩa ngày Đức Bồ-tát thành-đạo ».
- 10 giờ : Khóa lễ chính-thức.
- 11 giờ : Hiến cúng trai.
- 15 giờ : Lễ truyền-thụ Quy-giới.
- 17 giờ : Phóng-sinh, thi-thực, lễ tất.

Xin cầu-chúc Quý-lijet-uj Phật-sự được viên-mãn.

Kính Thông-bạch,

Saigon, ngày 27 tháng 12 năm 1962

Trị - Sự - Trường

Giáo - Hội Tăng - Già Việt - Nam

THÍCH THIÊN-HÒA

LIÊN-HOÀ PHỤC VỤ CHO AI!

LIÊN-HOÀ

LẠI một năm nữa sắp hết! Đời đời sống của Liên-Hoa nguyệt-san thì đó là năm thứ 8. So với thời gian vô tận, thì tám năm chẳng có nghĩa lý gì nhưng so với đời sống, thường mệnh yếu của báo chí nước nhà, thì có thể nói đó là tuổi đã trưởng thành. Từ khi mới bập-bẹ chào đời cho đến nay, Liên-Hoa đã nói gì, đã làm gì? đã phục vụ cho ai? đã giúp ích gì cho ai? Đó là những câu hỏi mà Liên-Hoa xin đề cho quý vị độc-giả đã từng theo dõi bước đi của Liên-Hoa, tự tìm lấy lời giải đáp. Cái hay, và cái dở, những ưu-điểm và những khuyết điểm, sự khôn khéo và sự vụng về, Liên-Hoa đều có đủ cả. Đời sống của Liên-Hoa, cũng như bao nhiêu đời sống khác, không thể hoàn toàn được. Người nào tự cho mình không làm lỗi, chính là người làm lỗi nhiều nhất. Biết mình có làm-lỗi, nên Liên-Hoa luôn luôn phục thiện và cố gắng sửa chữa lỗi mình đã làm. Nhờ sự phục-thiện ấy cho nên, nếu đem so sánh những số năm đầu tiên với những số sau này, Liên-Hoa đã bước được một bước rất dài. Nhưng nếu đem so sánh bước tiến đã qua với mục đích mà Liên-Hoa mong đạt được, bước đường đi trong tương lai còn dài thăm thẳm. Nhưng dù con đường đi còn dài bao nhiêu, Liên-Hoa cũng xin nguyện không sờn lòng nản chí.

Điều an-ủi lớn, sự phấn khởi mạnh làm cho Liên-Hoa vững tâm tiến bước trên đường nhiệm-vụ là lòng tin tưởng rằng Liên-Hoa đang phục vụ cho «sự-thật», đang phổ biến sự-thật. Một cơ quan ngôn luận, nhất là cơ quan ngôn luận của Phật-giáo, của đạo «Nhu-thật», mà không nói lên được

sự thật, thì thật không xứng đáng chút nào đối với sứ-mệnh của mình. Cho nên, trong quá khứ, mặc dù có nhiều khi Liên-Hoa phải khờ tằm, vì phải nêu lên một vài sự thật mà phải chịu la rầy, không bố, chỉ trích, cản trở, đủ điều. . .

★ Nhưng Liên-Hoa cũng không thể nào làm trái lại được. Liên-Hoa quan-niệm rằng sự-thật là sự-thật, không thể che dấu được. Chính vì che dấu sự thật mà người ta dễ đi sâu vào đường tối tăm, nguy-hiểm. Xấu mà nói tốt, làm một đường mà nói một đường, đó là những hành động kinh-quần-chúng, phản-chánh-pháp, thiếu dân-chủ. Mà đạo Phật chúng ta là một đạo có một tinh thần rất dân-chủ; nếu cơ quan ngôn luận của đạo Phật mà làm trái với nguyên tắc dân-chủ, là phản bội Đạo của chúng ta. Quần chúng Phật tử ở Việt-Nam là quần chúng đông đảo nhất; họ ở rải-rác khắp nơi trên mảnh đất này, từ thôn quê hẻo lánh cho đến núi rừng thâm sâu. Họ cần biết những gì mà các cấp lãnh đạo của Phật-giáo đã làm, đang làm, và sẽ làm. Họ cần biết tình hình thật sự của Phật-giáo, những khó khăn, trở ngại, những hy sinh cao quý, cũng như những triển vọng tốt đẹp của giới Phật-tử, của phong trào Phật-giáo.

Vì những lẽ đó, Liên-Hoa nguyệt san bao giờ cũng cố gắng phản ánh được bộ mặt, tấm lòng chân thật của phong trào chấn-hưng Phật-giáo của nước nhà. Nhất là từ nay về sau, Liên-Hoa lại xin nguyện làm một tên lính tiên phong trong đạo quân chiến đấu cho tinh thần «dân-chủ», cho «sự-thật» để phục vụ «Chánh-pháp». ✎



Nhơn dịp năm Dần gần mãn, năm Mão sắp đến, Liên-Hoa chơn thành cảm ơn quý vị độc giả khắp trong nước và ngoài nước, đồng thời xin cầu chúc quý vị thân họach nhiều thiện-duyên phước-quả trong năm mới.

NẾU !

CHÚNG ta ai cũng đều ước mơ được sống trong một thế giới hoàn toàn tốt đẹp. Một thế giới ít có sự đau khổ về vật chất và tinh thần. Một thế giới mà con người bớt lo âu về nỗi sống chết. Một thế giới mà những con vật hiền lành không còn sợ những kẻ ác tâm giết hại chúng. Một thế giới mà chính con người không còn hành động lang sói với con người nữa.

NẾU phỏng chúng ta nói đó là điều có thể thực hiện, chắc có nhiều kẻ không khỏi la lên bảo: «**Làm sao có thể thực hiện được?**». **NẾU** các Phật tử cũng như mọi tín đồ Cơ-Đốc đều thực hành đúng những giới cấm của đức Phật và những điều răn của Chúa thì thế giới này có thể thay đổi được không? Mọi vấn đề quan yếu đều do chỗ đó ở nơi cái chữ **NẾU** bé nhỏ này.

Điều răn trước nhất của tín đồ Cơ-Đốc là gì? «**Con không được giết**». Và giới cấm đầu tiên của người Phật-tử là chi? «**Phật-tử không được sát sinh**». Nghĩa là người Phật-tử không bao giờ có quyền giết hại bất cứ một sinh vật nào, bởi lẽ trong kinh Pháp-Cù đức Phật đã dạy: «**Mọi người đều sợ hình phạt (gươm súng) mọi người đều sợ chết. Vậy hãy xét bụng ta ra bụng người, đừng giết và đừng bảo giết. Mọi người đều sợ hình phạt, mọi người đều ham sống. Vậy hãy suy bụng ta ra bụng người, chớ giết và chớ bảo giết**».

Chính bởi sự giết hại loài vật, tàn sát cá nhân cùng nhiều kẻ khác của chúng ta đã khiến cho nỗi thống khổ ở thế giới này luôn luôn tồn tại, tăng thêm mãi, và không ai có thể thoát khỏi được nghiệp báo của mình. Đó là cái luật nhân quả tự nhiên, làm ác phải gặp ác vậy.

NẾU tất cả mọi người đều giữ giới không sát sinh

thì ai dám bảo rằng cục diện thế giới đen tối này không thể thay đổi được? Nhưng thử hỏi có mấy người tin chắc rằng họ có thể giữ đúng được điều răn « không giết hại » đó? Mặt dầu rất ít, nhưng chúng ta cũng có một tia nhỏ hy vọng, một điểm sáng mờ giữa nền trời đen thất vọng, bởi lẽ lần đầu tiên trong lịch sử hiểu biết của nhân loại, con người đã ý thức được rằng **chiến tranh bao giờ cũng gây nên chiến tranh và người chiến thắng cũng như kẻ chiến bại thấy đều đau khổ như nhau.**

Thật là hoai công khi luôn luôn bảo với mọi người rằng: **« Hận thù không thể diệt được thù hận, và hận thù chỉ có thể chấm dứt bằng tình thương ».** Và thấy cũng chẳng ích lợi gì khi khuyên con người nên yêu kẻ thù của nó như thương chính nó, hoặc nói rằng tình thương không bao giờ có thể nảy nở ở những kẻ còn xem người này hay người khác như kẻ thù. Mà chỉ cần làm thế nào để con người nhận thức được rằng trong khi nó giết hại kẻ khác, tức nó đã tự giết hại chính nó. Tất nhiên con người sẽ không còn muốn hành động sát hại lẫn nhau nữa.

Thế giới rộng lớn ngày nay đã thu hẹp lại nhanh chóng đến nỗi không một quốc gia nào, cả những cường quốc thịnh vượng, có thể hoàn toàn tránh khỏi được hậu quả sụp đổ về đạo đức cũng như kinh tế của một cuộc chiến tranh, mà hình như còn xơ xói, nhưng hiện tại nó đang đe dọa nền hòa bình của toàn thể các dân tộc thế giới. Bất cứ cuộc chiến tranh nào cũng là chiến tranh huynh-đệ. Và có cuộc chém giết nào lại chẳng phải là cuộc tàn sát đẫm máu. Vậy muốn trở nên một con người có tâm hồn trong sạch thì chúng ta đừng bao giờ nên dựa vào những cuộc sát hại đau thương ấy. Hơn nữa, mọi đời sống của tất cả chúng sanh đều gắn chặt và cùng một thiết liên quan.

Giáo lý của đức Phật bao hàm những lời dạy thực tiễn. Ngài thừa biết rằng nơi con người vốn có bản tính ác. Cái « bản tính xấu » này đã hủy diệt những gì tốt đẹp ở con người. Nhưng đức Phật dạy nơi con người cũng có một thiện tánh trái lại (thiện tánh này cũng sẵn có như

ác tính trên). Thiên tánh đó là TÌNH-THƯƠNG. Nó có đủ năng lực cứu con người thoát khỏi biển đời ô trược, đầy đầy những thảm cảnh chiến tranh tàn khốc.

Trong lúc làm kẻ khác đau khổ, con người đã tự gây đau khổ cho chính mình. Đó là điều mẹ làm hoặc muốn làm mẹ của con người. Vô minh là nguồn gốc của mọi tội ác. Vì kém hiểu biết các định luật vật lý, con người đã gây nên những bệnh tật. Và bởi không nhận rõ được luật nhân quả bất di dịch mà chúng ta đã nhầm tưởng rằng chúng ta có thể thoát khỏi được nghiệp báo của chúng ta. Chính sự mê lầm đó là căn nguyên gây nên sự hỗn loạn khổ đau của xã hội chúng ta, chứ công bình hay bất công thấy đều là những hư tư vô nghĩa.

Chính nhờ lòng từ bi bao la mà đức Phật đã trở thành «NGUỒN SÁNG CỦA Á ĐÔNG» Chính bởi tri tuệ tuyệt vời mà ngài đã trở nên đáng dẫn đường độc nhất cho «những người hằng mong thoát khổ». Và cũng do đầy đủ hai hạnh Đại-tri và Đại từ ấy mà đức Phật đã xuất hiện như một bậc «Đạo dẫn vô song» một đức thầy cao cả, có thể đưa dắt, cứu thoát con người khỏi vòng khổ não và diệt được kẻ thù tối hại là VÔ MINH. Chính bởi vô minh mà con người đã sanh tâm ích kỷ, tham muốn vô cùng, đề rồi gây nên những hận thù cá nhân cũng như đoàn thể. Lòng tham sân mù quáng đó có khác gì ngọn hỏa diệm sơn bị dồn ép lâu năm dưới sức nóng trong lòng quả đất để một ngày kia (nó) bùng phun ra ngoài những lửa và tro tai hại. Cũng vậy, chiến tranh phát khởi là bởi từ lâu đời con người đã nuôi dưỡng ở trong thâm tâm biết bao mầm mống thêm lam ác độc.

Với sự hiểu biết chân chính về cuộc đời ngắn ngủi mong manh, với một nhận thức sáng suốt là mọi đời sống chúng sanh đều tương quan mật thiết, con người sẽ bắt đầu hiểu được rằng sự đau khổ là do con người gây ra và cũng chính con người đã trưởng dưỡng nó,

Có kẻ nào không thích hòa bình? Nhưng có ai biết được rằng muốn thế giới hòa bình thì trước tiên chính tâm mình phải hòa bình không?

Đay nhất một con đường, một con đường đã có từ lâu, vô cùng mầu nhiệm và thiêng liêng. Đó là con đường thanh tịnh, có thể cải đổi được toàn diện nhân tính hướng dẫn con người trong sạch trong lời nói, ý nghĩ và việc làm.

Nhưng ai sẽ theo?

Ai dám theo con đường đó?

Ai? Ồ! **NẾU...!**

THÍCH TRÍ - CHƠN

— Trích dịch tạp chí *La Pensée Bouddhique*

KÍNH QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ!

- ★ Muốn giải trí lành mạnh trong dịp đầu xuân.
- ★ Muốn hướng đời mình theo nếp sống đạo đức thanh cao.
- ★ Muốn biểu thân bằng quyển thuộc một tặng phẩm trang nhã và ý nghĩa...

Chúng tôi xin hân hạnh giới thiệu tập:

NHỮNG CẢNH HOA ĐÀM

ra đời trong dịp tết Quý-mão do Giáo sư QUẢNG-HUỆ biên soạn, Tòa soạn Liên Hoa Nguyệt san xuất bản.

Là một tập sách gồm có 15 mẫu chuyện đạo, mỗi chuyện có một ý nghĩa đặc biệt, một bài học linh động; có thể đem lại nhiều cảm hứng và thiện-lợi cho độc giả các giới.

Sách dày trên 100 trang, bìa 3 màu do Họa-sĩ Phạm-đăng-Trí trình bày.

Mỗi tập 25 đồng, có phát hành tại chùa Xá - Lợi Sài Gòn, nhà sách Minh-Đức Đền-ông, nhà sách Liễu-Quán Huế và các cơ quan phát hành sách báo Phật-giáo trong nước.

VƯỜN THƠ ĐẠO - LÝ



NHÁT-NHƯ PHỤ TRÁCH

TRONG thi-ca Phật-giáo, ngày nay, tìm được một vài hồn thơ thuần-túy thật là khó khăn. Ngoài một Thạch-trung-Giả, Huyền-Không, Trúc-Diếp, Tống-Anh-Nghị... ta khó lòng tìm được những nhà thơ nào mang được đặc chất tư tưởng Phật-giáo. Bởi vì, giá trị của Phật giáo là giá trị của tư-tưởng, của suy niệm, của nhận thức, và của thực chứng. Tư tưởng cạn hẹp, nhận thức tầm thường, thì sự truyền đạt cảm xúc thiếu phần tác dụng. Và chẳng, sự rung động trong địa-đạt tình cảm thì dễ có — Hàn-mặc-Tử, chẳng hạn — nhưng sự rung động bằng tri tuệ, bằng luận lý quả thật là gay go. Thế giới vàng son của thi ca đời Lý quả không còn nữa. Ngay cả những thiên-tài như Nguyễn-Du, Ôn-như-Hầu cũng chỉ thể hiện được đôi nét triết-lý Phật-giáo hời hợt bên ngoài, Hoa của vườn thơ Đạo-lý thì nhiều, nhưng chọn được những đóa thuần hương không phải dễ.

Hôm nay, như đã hứa, chúng tôi vui mừng giới thiệu cùng bạn hai cánh hoa thơ, mà cùng với thời gian, chúng tôi tin rằng sẽ tạo nên được một bản sắc riêng tư, đặc biệt. Đó là Duy-Niệm và Trường-Sơn-Am.

Xin mời bạn cùng tôi làm chuyến TRỞ VỀ:

A ha ha! đâu rồi là nhân thế,
Là sắc hương, mùi vị của Ta-Bà.
Ta trở về trần gian ơi ở lại!
Ta trở về Tự-tánh, gốc quê ta!
Chìm xuống cả — cung trời Đạo-lợi hiện,
Cả gấm vàng, châu báu, cả hàng sa...
Ta rộng bay qua ngàn phương xa lạ
Tối bình an nơi Đợi-Ngã quê nhà...

DUY-NIỆM (Trở Về)

Quả là một chuyển ngược dòng đề thề nhập Chân-Như. Cuộc phiêu lưu trong thuyền quán của tâm-thức thật là phong phú, dù chủ thề và khách thề chưa hợp làm một. Nghệ thuật và kỹ thuật kiến-trúc đã đến độ «thuần tay», cân xứng, tuy chưa phải là trác-tuyệt. Âm-tiết điều hòa, lưu loát; từ ngữ tự nhiên, không gọt rũa. Vận dụng được một kỹ thuật như thế, Duy-Niệm chắc đã viết rất nhiều và chắc chắn sẽ còn tiến xa hơn trên con đường lấy nghệ-thuật phụng sự đạo pháp và dùng đạo pháp để phát huy nghệ-thuật.

Nhưng phút «xuất thần» hội nhập Chân-Như chỉ ra trong khoảnh khắc. Hành giả lột giả từ thế giới nội tâm của mình để trở lại cuộc đời đầy giả hợp và biến động. Một lần trở về Chân-tâm và một lần trở về vọng cảnh:

Trở về đây là còn tâm, còn cảnh
Trở về đây là còn nhớ, còn thương.
Còn phủ hư và còn xây ảo mộng
Còn buồn đau trong máu lệ vô thương...

DUY-NIỆM (Trò Về)



Trong lúc Duy-Niệm trở về với Đạt-Ngã, thì Trường-Son-Am nhận thức và khảo sát chủ thề biến động liên tục của mình qua bài chuyện tiếp.

Đi sâu vào hỡi ơi
Hai mươi năm xuân tươi
Phút chốc mà khô héo
Sao héo được môi cười
Tôi cười trong giả dối
Chỉ cười khi đau thương
Sâu dằng mây ngất ngất
Rờn rợn thịt máu xương
Thấm qua màn lệ trời
Hai mươi năm đâu rồi?
Tôi đánh mất chuỗi ngọc
Tiềm thức dậy mây trời...

Chủ thể mà mọi người tưởng là bất biến, thì ra chỉ là một dòng sống liên tục, đổi thay từng giây phút theo định luật vô thường. Niềm hoài vọng ở đây thật là chân thành và khàn thiết. Bám víu mãi trong tình trạng phóng thể, đuổi theo những vọng-ảnh-bên ngoài, người thơ một hôm đi tìm lại thực thể của tâm hồn mình, bỗng giật mình vì thực thể chỉ là một dòng tâm lý và sinh lý giả hợp, theo ngày tháng trôi lăn. Tôi yêu nhất những câu « Sầu dâng mây ngất ngất..., Tôi đành mắt chuỗi ngọc, Tiềm thức dậy mây trôi ».

Ý nghĩa «chuyên kiếp» được biểu hiện qua hình ảnh sau đây».

.....
Giờ đây có hai đứa
Cùng khóc dưới chiều mưa
Thằng lớn nhớ thằng nhỏ
Se sẽ gọi em em
Ngày bắt bướm nhỏ nhỏ
Nhớ lại sao thèm thèm
Xuân đến tuổi xuân già
Đốt cháy thịt xương ta
Ngắm ngằm trong cơ thể
Tàn rụng như kiếp hoa.

TR. SON-AM (Chuyên Kiếp)

Cuộc phân tích ở đây sâu sắc. Con người lúc lên 5 và con người lúc 20 là Hai hay là Một, là Đồng hay là khác? Đó cũng là triết lý biểu hiện. Chỉ tiếc rằng kỹ thuật đoạn chót còn vụng vè, từ ngữ sử dụng chưa cân nhắc, chúng tỏ một tài năng chưa được đều tay.



Niềm hy vọng của chúng tôi vẫn là niềm hy vọng chào đón những cánh hoa bốn phương cùng về dự hội, để làm cho những hương sắc của vườn thơ mỗi ngày mỗi thêm phong phú.

LUẬN TÂN DUY THỨC

Sọn giớ : THÁI HƯ ĐẠI SƯ

Dịch giớ : THÍCH MẬT NGUYỄN

(Tiếp theo và hết)

VI. — Luận về cách liễu ngộ, giải phóng, cải tạo, tiến hóa và lựa chọn của Duy - Thức.

Luận rằng: Y theo sức nội nhơn của giống Vô lậu sẵn có, và sức nghe, học, suy nghĩ về chánh lý chọn Duy Thức, sức huân tập thành giống (chủng tử), giống ấy dần chứa lâu ngày thuần thực, lần lần được liễu ngộ lý Duy Thức; - thấu suốt và ngộ nhập lý Duy Thức càng được thâm thiết chừng nào, đối với những gì cần giải phóng, cần cải tạo, càng lần hồi giải phóng, cải tạo hết chừng ấy; nghĩa là giải phóng sáu nghiệp che lấp như tham sển, ganh tỵ, giận dữ, biển nhạc, tán loạn và ngu tối, cải tạo thành ra sáu đức độ (lục độ) cứu giúp, hiền thiện, an nhẫn, tinh tấn, tịch định và huệ minh. Từ trước bao nhiêu tội ác phức tạp, lăm loạn, nhiễm ô, khuyết lậu v.v... đều tiến tới chân thật lý tánh, hóa thành thuần túy, thích đáng, thanh tịnh, hoàn toàn, thiện mỹ vậy.

Như vậy, nhờ trí huệ liễu ngộ được chân lý Duy Thức làm đầu, hướng dẫn thân tâm ta tiến mãi trên đường lớn giải thoát, đời đời kiếp kiếp chỉ có tiến hành không thối chuyển. Từ lúc này trở đi mới có tiến hóa chọn chánh,

chứ trước kia đều lẫn quẩn trong vòng luân hồi, theo nghiệp lưu chuyển, nghiệp buộc chịu báo, không một mảy may có sức tự chủ và tự do vậy. Cho nên muốn cầu tiến hóa, quyết phải do đây, muốn cầu tự do cũng phải do đây vậy.

Nhưng đó là đường dài thăm thẳm mịt mờ, ta phải tùy thuận chọn thẳng nghĩa Duy Thức, để giải trừ những nghiệp hư vọng trái tánh Duy Thức, dồn chứa những tư lương về phước trí, thuận với tánh Duy Thức mới được vậy. Sức chứa dồn chơn chánh càng lâu, trí sáng suốt càng mạnh, muốn cầu thật chứng tánh chơn Duy Thức, phải khởi thẳng gia hạnh cho tinh nghiêm thâm trọng, quả quyết dùng trí chọn lựa, diệt trừ các giống che lấp, chướng ngại không khế hiệp tánh chơn Duy Thức, hưng khởi tâm trí nghĩ xét sâu khắp bền chắc, để tìm cầu dò xét nào danh, nghĩa, tự tánh, sai biệt của tất cả các pháp, rốt ráo thi thiết miễn cưỡng có ra, tùy tình vọng chấp, không bao giờ có thật.

Sức tìm cầu dò xét càng tiến tới, rõ ràng chắc chắn hiểu biết cùng khắp, nào danh, nghĩa, tự tánh, sai biệt của tất cả các pháp, đó là chơn thật Duy Thức, nếu lìa thức thì không có gì hết.

Ấn chứng chấp tri được nghĩa chơn thẳng, thì sanh mạng không, pháp tánh không, chỗ chấp cũng không. Tuy vậy, nhưng hãy còn mang đeo biến tướng để quan sát, nên tuy dùng sở quán mà quán sát làm tánh chơn thẳng nghĩa của Duy Thức, nhưng chưa an trú lý chơn Duy Thức được.

Như có bài tụng nói: « Cho đến lúc thức tâm chưa khởi, cầu an trú tánh Duy Thức, đối hai món tùy miên

(sở tri chướng) chưa hàng phục diệt trừ được. Nếu có lập chút vật gì trước ta, để gọi là tánh Duy Thức, ấy là hãy còn sở đắc, không thể an trú được Duy Thức».

VII. — Luận về thiệt chứng, hiển hiện, siêu tuyệt, thắng diệu, thành công của Duy-Thức.

Như trong bài tụng nói « nếu khi đối cảnh sở duyên, tri ta thấy đều không sở đắc, tức khi ấy là an trú Duy Thức, lia được hai tướng chấp ngã chấp pháp, không có sở đắc, không thể nghĩ bàn, ấy là xuất thế gian, nếu bỏ được hai chấp thô trọng, tức liền chứng được chuyển y ».

VIII. — Luận Duy-Thức là rốt ráo.

Như bài tụng có nói : « Đây tức là thế giới vô lậu, không thể tư nghị, thiện thường, an lạc, thân giải thoát, gọi pháp ấy là « Đại Mâu Ni ».

Luận rằng: Đối với sự thật chứng Duy Thức và cứu cánh của Duy Thức, là việc chưa được thích hợp với tư trào hiện đại và cũng là cảnh giới chúng ta chưa được giác ngộ thấu đáo. Nếu chiếu theo sách vở mà tuyên bố, thật là trống rỗng mênh mông; còn nếu tùy tâm niệm phân biệt lại càng huyền viển. Nhưng người khéo liễu ngộ được chơn lý, đối với luận Duy Thức về vũ trụ quan, nhân sinh quan, đã được thật chứng và cứu kính rồi vậy.

Vậy, nay chỉ tóm tắt lại cho là tận mỹ, tận thiện, vô tận, thường trú, viên dung, an lạc, diệu giác, linh minh, tự tại chơn thật và bất tư nghị mà thôi, còn nội dung thế nào, không đợi bàn nữa.

LÁ THƯ ĐÔNG-KINH :

CUỘC TRIỂN LÃM VĂN-HÓA NHẬT-BẢN

NGÀY chủ nhật 21-10-62 nhân nghỉ học, chúng tôi và vài sinh-viên ngoại quốc khác đã đi xem một cuộc triển-lãm văn-hóa Nhật-Bản tại nhà hàng Takashimaya ở Nihonbashi. Phòng triển-lãm được trưng bày tại tầng thứ 8 của nhà hàng. Cùng đi với chúng tôi có ông Todo, một người bạn Nhật nói được tiếng Anh, tiếng Pháp lẫn tiếng Đức.

Vào cửa, chúng tôi phải mua giấy. Người thường thì phải tốn 100 yên, nhưng chúng tôi là sinh-viên nên chỉ tốn 80 yên thôi. Kể ra làm đời sống sinh-viên cũng có nhiều điều lợi và được thiên hạ cho ưu tiên trong mọi trường hợp.

Như cái đề nêu trên, đây là một cuộc triển lãm văn-hóa Nhật-Bản. Mà nói đến văn-hóa tức nhiên là nói đến cái gốc-gác của người xưa, do đó tất cả sản phẩm trưng bày trong phòng triển-lãm toàn là của thi gian quá khứ, cách đây 13 thế

kỷ (đời Đường), 12 thế kỷ (Nara), 10 thế kỷ (Heian), và gần nhất là 8 thế kỷ (Kawakura).

Tôi quá ngây thơ, cứ ngỡ rằng với các sản phẩm trưng bày triển lãm cách thời đại chúng ta đến 12 ngàn năm, thì dân chúng sẽ vào xem thừa thớt, vì có chi hấp dẫn trong các vật cũ kỹ ngàn xưa... Nhưng, chúng tôi đã lầm. Vào phòng triển-lãm, tôi thấy đông đặc cả người và người. Già có trẻ có, đủ các lớp người hâm mộ văn-hóa trong xã-hội Nhật tại Tokyo đi xem và dĩ nhiên những người ngoại quốc có tâm hồn ham thích văn-hóa thì không ai là không đi; vì thỉnh thoảng chúng tôi cũng có thấy những màu da Âu-Mỹ và Phi-châu nổi bật trong đám người đi xem. Tôi đi sau ngày khai mạc một tuần, thế mà vẫn thấy đông đảo, huống chi là đi vào ngày đầu chắc chen chân không lọt.

Như ở Việt-Nam chúng ta, Nhật-Bản đã chịu ảnh-hưởng Phật-giáo từ hơn 12 ngàn năm

nay, do ngài Giám-Chơn Hòa-thượng đời Đường, từ Trung-Hoa truyền vào. Do đó, ngài Giám-Chơn còn có một tên riêng, được dân Nhật đặt là: Đường-Tăng Giám-Chơn Hòa-thượng. Thế nên, các sản-phẩm văn-hóa trưng bày trong phòng triển-lãm này đều được mang đến từ các chùa: 1) Đông-Đại 2) Hưng-Phước. 3) Tây-Đại. 4) Tịnh-Lưu-Ly. 5) Đường-Chiêu-Đề. 6) Dược-Sư. 7) Pháp-Long, cộng với sự giúp đỡ của tờ báo Nhật-Bản kinh tế Tân văn. Tuy nằm trong phạm vi Phật-giáo, nhưng các sản phẩm này đều gọi là « Quốc bảo », hoặc có ít thứ khác được gọi là: « Trọng yếu văn hóa tài ».

Nói đến văn hóa Nhật, tức người ta nghĩ ngay đến Nara (Nại-Lương) và Kyoto (Kinh-đô) vì hai nơi này cất giữ nhiều kho tàng văn hóa quý báu của Nhật từ ngàn xưa để lại. Nhưng nhắc đến Nara và Kyoto, thì không người Nhật nào là không nghĩ đến tượng Phật, chùa, tháp xưa, vì hai nơi này coi như là trung-tâm-điểm của Phật-giáo và cũng là cái gốc của người Nhật vậy. Có những tượng Phật có thể gọi là to lớn nhất thế giới, cũng được xây dựng tại hai nơi này từ xưa. Nghe người ta bảo: Nara và Kyoto có những ngôi chùa xây dựng cách đây 12 ngàn

năm và hiện nay các ngôi chùa ấy vẫn tồn tại với thi gian Dân Nhật có một câu nói gần như đã thành tục ngữ: « Người Nhật mà không đi chiêm bái các Chùa, các Đền ở Nara và Kyoto thì không phải là dân Nhật », nên tôi lòng vẫn ôm mộng, hy vọng sau khi học xong có phương tiện để được đi chiêm bái các nơi văn hóa này. Sở dĩ người Nhật nói như thế, vì họ rất tự hào nên văn hóa đồ sộ của họ được cất giữ trong các ngôi chùa xưa.

Qua từng tủ kính một, chúng tôi thấy các tượng Phật, tượng Bồ-Tát, tượng Long thần Hộ pháp, tượng các vị Tồ-sư có công với Phật-giáo và dân tộc Nhật-Bản; các tượng này hoặc bằng đồng, hoặc bằng đất, hoặc bằng gỗ. Có những bức tranh vẽ Phật ngồi thuyết pháp cho chư thiên nghe trên lụa trắng, những bức khác thì trên giấy. Có những tượng Phật chỉ còn vồn vẹn một cái đầu; có tượng thì chỉ còn thân hình mà không chân tay. Quả thật thi gian đã làm sức mẻ những nét điêu khắc của con người xưa. Về ngọc Xá-Lợi thì có hai bình ngọc và một tháp đồng chạm trổ rất tinh vi, các viên ngọc Xá-lợi được tôn trí vào trong ấy. Những viên ngọc Xá-lợi này có từ thời đại Kamakura, cách đây 800 năm. Có những

bản kinh do chính tay các tổ sư xưa viết trên lụa, trên giấy hoặc trên gỗ; trong số này có một trang kinh Hiền-Ngu viết tay, bắt đầu từ câu: « Do thử nhân duyên... đến câu... tín thọ kỳ giáo, hoan hỷ phụng hành. Hiền-Ngu kinh quyền đệ thập ngũ », Ngoài ra còn các thứ đồ khác, hoặc là chén đĩa, hoặc là đồ dùng hằng ngày và có 3 đồng tiền xưa. Ở trên các đồng tiền ấy chúng tôi đọc thấy 4 chữ nhỏ: 1) Long-Bình Vĩnh-Bảo 2) Thần-Công khai Bảo 3) Vạn Niên Thông-Bảo.

Tất cả các sản phẩm trưng bày triển lãm đều bị gió bụi thời gian tàn phá và phủ lấp, nhưng có lẽ vì con người vốn có đơn, nên người Nhật đã khéo tay giữ gìn còn lại, để mỗi lần nhìn đến họ còn có đôi phút giây *quần tụ với hình ảnh người xưa*. Thực người Nhật rất khác với người Việt-Nam chúng ta. Nếu những tượng Phật này mà nằm đâu ở Huế, chắc thế nào cũng được đưa lên tháp chùa Từ-Hiếu từ lâu, và ngày sau con cháu không hề hay biết. Với một tâm hồn Việt-Nam thuần túy, có biết chút ít về lịch sử nước nhà, chúng tôi không khỏi chạnh lòng khi nghĩ đến kho tàng văn hóa ngàn xưa của tổ quốc mến yêu. Hơn một ngàn năm trước, bao nhiêu quốc bảo văn hóa

của chúng ta đã được người Trung-Hoa có lòng thương sang lấy mang về « Trang-quốc »; hơn một trăm năm trước, những sản phẩm quốc bảo ấy cũng được người Pháp, không quản ngại xa xôi, *chiếu cố* đến mang về nước họ. Bây giờ có những học giả muốn nghiên cứu về Việt-Nam, có kẻ đã sang tận Trung-Hoa hoặc Paris để tìm kiếm tài liệu của nước mình, thực không chỉ mĩa mai và chua xót bằng!

Tôi đã đứng nhìn rất lâu hình tượng Giám-Chơn Hòa-Thượng, người Trung-Hoa đầu tiên mang Phật-Giáo vào đất Nhật và được họ tạc tượng thờ tại chùa Đường Chiếu-Đề và hôm nay do chùa ấy mang đến để góp phần triển-lãm. Không phải tôi nhìn những nét mỹ-thuật nơi hình tượng, nhưng vì tượng Ngài Giám-Chơn mà tôi liền tưởng đến các phái-đàn truyền-giáo do các Tổ-Sư từ Ấn-Độ và Trung-Hoa đầu tiên mang Phật-Giáo vào nước ta và gieo hạt giống Từ-Bi lên non sông Việt-Nam mến yêu. Những hình ảnh: 1) Ma-Ha-Kỳ-Vực (Marajivaka, Ấn-Độ). 2) Khương-Tăng-Hội (Kang-seng-Houei, Ấn-Độ). 3) Chi-Cương-Lương (Tche-Kiang-Leang, Ấn-Độ) và 4) Mâu-Bác (Méou-Pô, Trung-Hoa), làm thế nào phai

mở được trên non sông Việt-Nam, kể từ thế-kỷ thứ hai đến nay? Nổi bật nhất trong các Phái-Đoàn truyền-giáo, Ngài Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi (Ấn-Độ) đã mang Thuyền-Tông từ xứ Phật sang cho nước ta và kế tiếp Ngài, các Tổ-Sư Việt-Nam đã làm sáng rực trong suốt các thời-đại: Lê, Lý và Trần. Thế mà từ lâu nay, trong quốc-dân Việt-Nam có ai được hân-hạnh xem tượng Ngài Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi một vị Tổ đã đặt cơ-sở Phật-Giáo cho nước Việt-Nam ngang hay dọc, cao hay thấp và bây giờ Phật-Giáo thờ Ngài ở chùa nào? Xem cuộc triển-lãm này tôi có cảm tưởng như con người Việt-Nam chúng ta đã bị ảnh hưởng ít nhiều tư-tưởng Lão-Giáo, nên những ý-niệm về lịch sử, về thích-nghi theo thời-đại ít người để ý tới. Do đó, ngày xưa các chùa thường được làm nơi núi kín thâm u nhiều hơn là làm chùa giữa đô-thị. Cho đến gần đây, hơn 4 năm trước, một sáng-kiến của báo Phật-Giáo Việt-Nam nguyệt-san cho in hình Ngài Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi trong số đặc-biệt, trang trọng giới thiệu với Phật-Tử và đồng-bào trong nước đó là vị Sơ-Tổ của Phật-Giáo Việt-Nam. Nhưng rồi, báo Phật-Giáo Việt-Nam nguyệt-san đình

bản, hình ảnh Ngài Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi cũng bị lãng quên như dòng nước qua cầu...

Thấy người đi xem triển-lãm ở đây quá đông, khiến tôi nhớ lại mấy lần về Sài-gòn có việc, gặp dịp các họa-sĩ danh tiếng triển-lãm, tôi cũng đã đi xem tranh mấy bận. Những cuộc triển-lãm như thế, phần đông các họa-sĩ cố đem tất cả tài-năng của mình để nói lên chất «nghệ-thuật hôm nay» và những rung cảm của «thời đại chúng ta» nhưng người xem ít say sưa và đông đảo như ở đây. Hay tại dân Tokyo đông đảo quá chăng? Một thành-phố mà chứa trên 10 triệu dân, thì chuyện đông khỏ nói. Tuy nhiên, chúng tôi cũng được thấy có những đôi mắt rất trong, sáng ngời, đứng vào một góc để được tự do ngắm rất lâu những dấu sức mẽ trên đầu Phật, trên tay chân Phật hay cố chú mục đọc cho ra ngưỡng dòng chữ kinh đã phai mờ vì năm tháng. Đó là những sinh-viên Nam-Nữ Nhật. Chính trong cử chỉ đó, tôi đã học được nơi các sinh-viên ấy về ý nghĩ: dù văn-minh đến đâu, tiền bộ đến mức nào, đoàn hậu tiến cũng không nên lãng quên những vốn liếng tinh-thần mà tổ-tiên xưa để lại.

Thế là tôi đã học được một cử-chỉ hay. Ngày chưa

được Giáo Hội Tăng-Già cho đi du-học, lắm lúc tôi cũng có tư-tưởng: « Chắc rằng đâu đã hơn đâu, Cầu tre vững dịp hơn cầu thượng-già », nên mình cứ tụng kinh nhiều, đọc kinh nhiều thì trí-tuệ nó tỏa ra, học cho nhiều chỉ thêm khổ thân, vì người xưa đã bảo: « Bất xuất hộ tri thiên đạo, bất khuy dữu kiến thiên đạo; kỳ xuất di viển, kỳ tri di-thiên » Nghĩa là người nắm được Đạo thì không ra khỏi cửa mà biết được cả muôn vật, không nhìn ra ngoài cửa sò mà biết được cái đạo trời thống trị cả thế-gian; người nào muốn đi xa bao nhiêu thì lại càng biết ít bấy nhiêu. Thế mà gần đây, cứ mỗi lần có các phi-hành-già không-gian bay quanh trái đất, hay những cuộc thí-nghiệm lên Cung-Trăng, hoặc những khám phá nào của khoa-học về Hỏa-Tinh, Kim-Tinh, thì các lời dạy xưa của Phật trong kinh được các nhà học-giả đem ra chứng-minh một cách cụ thể. Như vậy, kể ra đi xa cũng có lợi. Nhưng hơn là con người vừa càng đi xa chừng nào càng biết hướng trở về gần chừng nấy trong chính nội-tâm của mình, vì như người ta đã bảo: « con đường trở về chính mình là con đường ngắn ngủi nhất để giúp ta đi vòng quanh được cả vũ-trụ ». Trong khi chưa

khám phá chính xác nội-tâm, thì cũng nên bay quanh cả vũ-trụ bao la, rồi lấy những kinh-nghiệm ấy về khám phá lại nội-tâm mình, thì còn chi hơn nữa.

Trước đây, có lẽ người Nhật đã hấp thụ tư-tưởng này. Do đó, từ một nước chậm-tiến như các nước Á - Châu khác, dưới thời Minh - Trị Thiên-Hoàng đã đưa một nước Nhật văn-minh tiến-bộ ngày nay bằng mọi tổ-chức, mọi phương-tiện khoa-học nhưng không bỏ mất bản-sắc, phong-tục, tập-quán, tâm-tinh của con người Á - Châu. Nói như thế nghĩa là tôi thừa nhận nước Nhật vừa hướng-nội vừa hướng-ngoại, chứ không như các nước Á - Châu khác chỉ chăm chăm hướng nội mà thôi. Cũng chính vì điểm nhíp ngành này, nước Nhật đã làm cho các học-giả Âu-Mỹ kính nể. Trong số đó, chúng tôi vừa nhận được thư ông Frank M. Bazl, một Phật-tử Mỹ có nhiều quen biết với Phật-Học-Viện Nhatrang, từ California gửi sang. Suốt một bức thư dài Ông Frank M. Bazl chỉ ca ngợi Phật-Giáo Nhật, đồng thời ước mong tôi hãy đi sâu vào nền văn-hóa Nhật, học hỏi ở tinh-thần văn-hóa ấy và Ông hy-vọng tôi được tận mắt thấy kho tàng văn-hóa ấy nơi chùa Gango ở Nara,

nơi các chùa ở Kyoto, Kamakura và Nikko.

Có lẽ người Mỹ vốn có lòng kính trọng nền văn-hóa Nhật, cho nên trong những trường hợp chiến-tranh, như trận thế-chiến thứ hai vừa qua, khắp toàn cõi Nhật đều bị phi-cơ Mỹ oanh tạc, nhưng Nara Kyoto thì không lần nào bị phi-cơ Mỹ đến bắn phá. Nhờ đó, các ngôi chùa xưa không bị hư hại vì chiến-tranh; cũng chính nhờ đó mà hôm nay mới còn sản-phẩm văn-hóa đem triển lãm và tôi từ Việt-Nam xa xuôi qua được đi xem. Không biết vì ảnh-hưởng các Tăng-Già Nhật truyền-bá Phật-Giáo tại Mỹ, hay khi hai nước có một trình-độ văn-minh tương đương với nhau thì dù trong trường hợp chiến-tranh, đối-phương vẫn tỏ ra mình là văn-minh, nên chỉ bắn phá những căn-cứ quân-sự mà thôi; còn những nơi văn-hóa, cơ sở tinh-thần của một dân-tộc, thì dù có thù nhau vẫn kính trọng như nhau.

Trong khi đó, quân đội Pháp đồ bộ lên Việt-Nam lần thứ hai lại khác. Những ngôi chùa những ngôi đình của làng, những nhà thờ họ (1) ở làng mạc quê mùa thì bị tàn phá không chút văn minh! Chính tôi được biết trong năm 1947, khi quân đội Pháp chiếm Quảng-Trị, họ

trận về nhà quê và ngay ngôi đình làng Lâm-Thủy được bị đội Pháp làm nơi đồn trú, các Thần của làng phải... tản cư vì chính diện cần phải nhường chỗ cho các sĩ quan nằm; các đồ thờ trong đình được dịp đem ra khỏi hải. Hồi nhỏ tôi có ở làng Thâm-Triều tại Quảng-Trị mấy năm, thế mà sau khi đình chiến, trong một chuyến đi ngang qua làng này, lòng tôi bỗng cảm thấy buồn ngùi khi nhìn cảnh chùa làng Thâm-Triều chỉ là một đám đất hoang vu. Bãi bừa hóa nương dâu chính là đây chứ đâu nữa! Ngay làng Phương-Lang của tôi, một làng hết sức cực khổ quê mùa được một ngôi chùa ngôi nhỏ nhỏ, trong cuộc chiến tranh Việt Pháp cũng đã tan tành theo khói lửa chiến tranh. Biết bao giờ dân làng Phương-Lang làm được một ngôi chùa như xưa nhỉ? Quảng-Trị xa xôi quê mùa không nói, chính ngay tại Huế bên cạnh chùa Ba-La ở gần làng Vi-Dạ, nhà thờ họ Nguyễn-Khoa cũng bị quân đội Pháp chiếm đóng. Một hôm đi lũng dâu ở nhà Quê, bộ đội Pháp đã cho xe tăng mang về một cái Đai-Hồng-Chung không biết của chùa nào, rồi từ đó tiếng chuông chùa được thay

(1) Nhà thờ họ Trần, họ Võ, họ Đoàn, họ Nguyễn.

thế tiếng kèn Tây trong mỗi lần ra hiệu lệnh. Cũng may, những cái trái ngược này, chỉ xảy trong vòng vài năm, chứ kéo dài ra thì bộ đội Pháp đã làm lạc ý nghĩa tiếng chuông chùa thâm thúy ngàn xưa của dân tộc Việt-Nam rồi.

Tôi nghiệm thấy cũng lạ. Đồng một trình độ văn minh như Mỹ, mà thái độ oanh-tạc của Mỹ tại Nhật và thái độ oanh-tạc và tàn phá của Pháp tại Việt - Nam, thực là trái ngược hẳn nhau. Viết mấy dòng này tôi không nghĩ rằng chỉ dành riêng cho Phật - tử đọc, nên ở đây cho tôi ghi một dấu hỏi: Sự phá hoại gia sản tinh thần của quân đội Pháp trong thời kỳ đồ bộ lên đất nước Việt - Nam lần thứ hai là do quân đội Pháp đã man, hay do dân chúng ta chưa ý thức đến giá trị gia sản tinh thần của dân tộc, cùng nhau tôn trọng di sản của tổ tiên mình để lại; Và nếu có ai tán đồng với quân đội Pháp trong việc phá hoại này, hay hơn cơ hội để trực lợi để gây rối v. v. thì những nhà viết sử sẽ ghi, chứ không phải việc làm của chúng tôi. Nhưng một chùa Kim-Sơn thành bình địa, một hình ảnh Tăng-Già Việt-Nam trong chùa này đã gục dưới mũi súng của người Pháp, rồi đây các nhà viết sử Việt - Nam sẽ ghi như thế nào?

Với cuộc triển lãm văn-

hóa Nhật - Bản từ 16-10 đến 28-10-1962 vừa qua tại Tokyo, quả thực đã mang lại nhiều ích lợi cho dân chúng Nhật-Bản trên phương diện tác động tinh thần cho họ có dịp vun bón gốc xưa. Có lẽ những người đứng ra tổ chức cuộc triển lãm này đã nghĩ đến sự quan hệ của một gốc cây. Một dân tộc mà không biết gốc gác của mình là một dân tộc vong bản và không sớm thì muộn, dân tộc ấy cũng diệt vong. Về phía dân ngoại quốc sống tại Tokyo đi xem cuộc triển lãm này hiểu về nền văn hóa của Nhật thì ít, mà suy tư về nền văn hóa dân tộc mình thì nhiều hơn.

Sau khi ra khỏi phòng triển lãm, đi bách bộ trên đường phố Nihonbashi, tôi nghiệm thấy rằng: Dân tộc nào muốn văn minh tiến bộ, muốn trở nên hùng cường, chính dân tộc ấy phải có một sự giáo dục thích đáng, loại trừ thành kiến tín ngưỡng, cùng nhau nhất tâm bảo vệ gia sản tinh thần của tổ tiên và phát huy cho con dân hiểu mối tương quan giữa hiện tại với quá khứ, giữa hiện tại với tương lai. Thực hiện được những ý nghĩ này, thì bất kỳ ở đâu, hình ảnh chậm tiến sẽ tụt mất, một quốc-gia tiến bộ dần dần tiến tới và mang đến cho dân tộc một mùa xuân đầy hương hoa đất nước.

Tokyo, mùa lá Họa-Hoàng 1962.

HUYỀN - KHÔNG



NHỮNG NGƯỜI GIẢI THOÁT

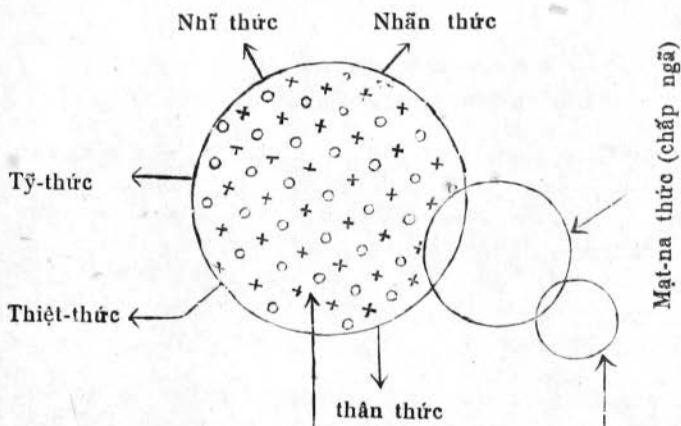
Thích - nữ Thiền - Quán

GIẢI thoát là một danh từ được thông dụng trong nhà Phật cũng ngang với chữ Từ-Bi, bình đẳng v.v.. không luận tại gia, xuất gia, người ta thường hay nói đến luôn, như : cầu đạo giải thoát, phụng sự đạo giải thoát, đi đến cảnh giải thoát v.v... Song nghĩa của nó thì chỉ trừ những vị thâm hiểu Phật Pháp ra, còn một nhóm chị em mình như tôi chẳng hạn thường bị dùng mà không hiểu nghĩa hoặc hiểu lù mù, đến khi có ai hỏi thì trả lời lúm úm Đại khái như chữ Từ Bi. Bữa kia bà hàng xóm la con : «tôi thì làm không hết việc, mà cô cứ ngồi từ bi từ từ tại rứa» ạ (?) Lại một hôm trong lớp học Phật pháp tôi hỏi một em : Chữ Từ Bi là sao? Em nhanh nhẩu : dạ Từ-Bi là hiền lành ạ (?) Thấy tôi làm thinh, một em khác đứng lên : dạ Từ Bi là ít nói ạ (?) Cộng với bà hàng xóm trên, hiểu chữ Từ Bi là «ngồi ý» thật không hơn, không kém, Vì theo đúng câu bà la con, ta cũng hiểu bà la như thế này :

— «Tôi làm không hết việc, mà cô thì ngồi ý ra, rứa ạ» hiểu như vậy thiệt là quá tay. Thật ra chữ Từ Bi, tách riêng mà giải, thì Từ là ban vui, Bi là cứu khổ, nói chung : Từ Bi nghĩa là cứu những nỗi khổ cho những niềm vui. Thế mà bà bạn mình đã la con : «Tôi làm không hết việc, mà cô cứ ngồi cứu khổ ban vui tự do thế ả? Thì ai mà nghe cho được?! Nói cho đúng chữ Từ Bi là vô cùng hoạt động, tích cực triệt để, thế mà vì không hiểu nên người ta dùng sai hẳn ý nghĩa. Thì Giải-Thoát cũng như vậy. Một hôm tôi bị bác khuôn trưởng

nào đó hỏi: Thừa Sư có giải thoát là sao ạ? Tôi đáp: Giải thoát là cởi mở tất cả những sự trói buộc trong tâm hồn. Mọi nơi thì tôi chỉ trả lời vậy là yên. Đàng này rồi tôi gặp cái bác Khuôn trường kỳ khôi, trả lời thế bác không chịu. Bác hỏi lại: — Dạ bạch Sư có: Ai trói? Ai buộc? Ai mở? Tôi dậm ra linh quỳnh, trả lời ăm ừ, rồi đánh trống lảng: chắc bác cũng biết tôi « bí » nên không nỡ hỏi thêm. Khi về chùa, tức mình tôi lục tìm nào Kinh, nào Luật, Luận nhưng không gặp chỗ nào giải rõ. Hôm ấy như nghiên cứu Duy-thức, bỗng thấy bản đồ Bát thức, tôi mới nhớ và đề ý tìm hiểu. Vậy tôi xin vụng vẽ vẽ ra đây đề chị em xem và hiểu cho dứt khoát, rõ ràng, phòng khi có ai hỏi, khỏi cái nạn bí như tôi.

Đây bản đồ trong Duy-thức luận:



(A - lại gia - thức chứa đựng (Ý thức phân biệt)
 các chủng tử Thiện Ác)
 « Ngã »

Vì bài này không chủ ý nói toàn bộ Duy thức nên xin miễn bàn nhiều, nay tôi chỉ nói về Mạt-na. alaiqa và bàn thêm một chút « ý thức » thôi. Mạtna (bạn chú ý trên

bản đồ) là cái chấp «ngã» như ta thường chấp: nước ta, nhà ta, con ta, của ta v.v... «Ta» ấy tức «Alaigia». Mạt-na thường chấp Alaigia làm ngã, đèo queo cái ngã không rời. Nếu khi thân một chúng sanh chết thì 6 thức trước (mắt tai v.v...) đều tan rã, chỉ có Mạt-na niu cứng Alaigia, nên duy thức thì dụ 6 thức trước như lục bộ (nói theo xưa) Alaigia là vua, Mạt-na là hoàng hậu. Thành lập một đế quốc tuy có sáu bộ thừa hành nhưng chỉ hoàng hậu là thường thân cận bên vua không khi nào rời khỏi, nếu mượn tạm cầu của Đường minh-Hoàng với Dương qui Phi (bài trong trường hạn thiên) chép vào đây thì rất đúng:

**Thiên trường địa cửu hữu thời tận,
Đế hạn miên miên vô tuyệt kỳ.**

Tạm dịch:

*Trời bền đất chắc còn tan rã
Thiếp nguyện theo chàng không phút xa.*

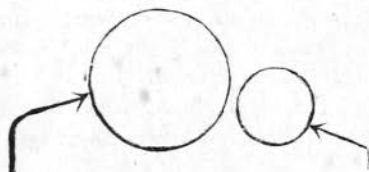
Nghĩa là Alaigia lên trời (chết đầu thai lên trời) hay xuống địa ngục, hoặc sanh lại làm người v.v... Mạt-na cũng cứ theo đi, Mạt-na đã khấn khít với Alaigia, lại thêm có cái anh ý thức châu rìa phanh phôi lăm chuyện, rồi đưa vào cho Mạt-na, nên sợ dĩ chúng sanh diên đảo khổ đau và không giải thoát được, đều tại hai anh này (Mạt-na và ý thức) cả.

Một hôm có bà cụ căng háp căng cao đi tìm tôi, khi gặp, bà mếu máo phân bua: — dạ thưa cô, tôi khổ quá! Cô nghĩ: nó đói thì tôi lo cho ăn, lạnh tôi lo cho mặc, đau thì thuốc men, mệt thì sâm quế v.v... thế mà hai đứa nó nở dặt tôi xuống địa ngục, cô tính có khổ không? — Tôi đương ngạc nhiên chưa biết hẳn là ai, thì bà cụ tiếp: — dạ, nhất là cái con Mạt-na, nó quá tay lắm. Thoạt nghe tôi tưởng có cô Tây lai hay Tàu lai nào tên Mạt-na mới đến báo đời bà cụ Tôi vội an ủi và hỏi: — chứ có nào tên

Mạt-na mà tôi không biết. Sao? họ chọc bà à? Có ta lớn hay nhỏ? Ở dân? Tôi hỏi bęc-bác làm bà cụ cười rề: — Ậ con ậ thấ thừc Mạt-na của tôi đó, lại thêm cái anh châu rĩa ý thừc (ậ lực) xuyên tạc nừa. Rồi bà tuôn luông hầu tâm sự: — Thừa có tôi đưong ngồi quạt lò sắc thuốc, hông nghe văng vẳng ai nói chi, tôi sẹ sẹ để quạt xuống lóng tai nghe (ý thừc phàn biệť) tuy chừ đượ chừ mất thể mà tôi cứ nghĩ chắc họ nói xấu chi mình đây (Mạt-na chấp ngặ) rồi tôi tỉnh bỏ thuốc đó ra gậy. Nhưng may phước ba đời, tôi sực nhớ Duy-thức dạy: đừng tin hai đừa này (Mạt na, ý thừc) coi chừng nó dấ xuống địa ngục đa, thể rồi tôi ngồi trì lại, và dạy nghiến nó một chấp lâu. Cái tâm sự lý thú này, tôi không biết nói với ai, nên mới tìm cò đề giải bày. Tôi khen bà cụ, và khuyen bà cũng như tự khuyen mình, gặp trường hợp nào như thể cũng nên giải phầu tìm cho ra Mạt-na và ý thừc, nếu biết đượ diện mục nó rồi, tức là còi mở mọi triền phước mà đượ giải thoát vậy.

Sở dĩ đức Phật đượ gọi là con người giải thoát là vì Ngài không còn bị mạt-na đeo dính nừa. Đây một chuyện đề chứng minh. Có người hỏi tôi: Vì sao đức Phật ngồi dưới gốc cây, có con rắn hồ mang quần lầy thân Ngài mà nó không cắn? Vì tôi chưa tin đượ chuyện thần thông diệu lực của đức Phật, mà chỉ căn cứ nơi thật tế đề hỏi, thì sao đức Phật lúc ấy hoàn toàn là một con người, có thần hình, mặt mày hần hoi mà rắn không cắn? Tôi đáp: — Đức Phật là người đã giải thoát, vì sao biết đượ? theo duy-thức-luận thì mỗi người (hay mỗi chúng-sanh) đều có một alaigia và một mạtna (chấp ngặ). Nếu trường hợp ấy, gặp người khác thì nhất định rắn phải cắn, tại sao thể? Vì người kia «bảo thủ» cái «ngặ» của mình, thì ngay trong lúc ấy, rắn cũng «bảo thủ» cái «ngặ» của rắn; vì thể, nếu rắn không lo cắn người trước, thì nhất định người phải giết rắn để bảo thủ cái «ngặ» của người.

Trái lại mặtna của đức Phật đã ly khai alaigia. Alaigia của đức Phật đã thành Như-Lai-Tạng (Phật tánh).



A-lại-gia khi thoát được
Mặt - na thì trở thành
đại - viên cảnh trí.

Mặt-na rời
khỏi A-lại-gia

Nếu một bên vong ngã thì sẽ tương ứng với bên kia nên rần không thấy Phật là đối phương. Thành thử hai luồng điện thiện gặp nhau, vì thế nên chẳng những rần không cần Phật, mà Phật còn hàng phục được rần. Đến như các vị Tổ - sư sở dĩ tìm những chỗ sơn cùng, thủy tận để yên tĩnh tu hành mà không sợ ác thú, còn hàng phục được chúng, vì sao? vì các Ngài đã « vong ngã ». Những vị ấy đều là tượng trưng của giải thoát.

Thêm vào một vài nhân vật của giải thoát: Bác A mặc áo địa xanh, bít khăn đóng, chân đi giày, tay cầm dù, bộ cánh của bác mới tinh khôi. Bác vừa ở nhà ra, đi được một khoảng (ngày xưa ít người đi xe) thì bỗng một anh lù lù chạy đến, anh nhắm nhĩa sao đó, rồi anh bảo: A đôi giày này của tôi sao Bác lấy? bác ta chưng hửng nhìn xuống. — Giày của anh thật hả? — Ủa, bộ tôi nói chơi sao, giày của tôi rõ ràng mà. Không chút dỗi sắc, bác cười, rồi rút đôi giày ra đưa cho anh. Đi được một lúc bỗng nghe thịch thịch sau lưng. Bác ngó ngoái lại thì lại cái anh ngớ ngẩn khi hồi. Bác nghĩ bụng: chết rồi, hay anh này nhìn luôn áo địa xanh nữa. Nhưng không anh ta xách đôi giày đến và nhã nhặn:

— Xin lỗi Ngài, té ra không phải giày của tôi, tôi xin trả lại Ngài. Vẫn không dỗi sắc, Bác phủi chân rồi xâu

vào giày: Thế à. Và đây một anh bị người ta tác một bèn má sừng vù, anh vui vẻ: Này bạn có đau tay không? Nếu không? nhờ bạn tát thêm bèn này nữa để nó sừng cho cân, nói xong, anh xia má bèn kia ra, thì thử hỏi đối phương sẽ xử sao? Một là cúi lạy, hai là chạy xa, tại sao thế? vì anh kia đẹp được cái ngă, nên đồng thời cái ngă của anh này cũng tiêu mất, bằng một lối trong hai lối trên, đây là điển hình của giải thoát cả.

Vì vậy khi nói đến giải thoát tức nhiên phải nhớ: Giải thoát là bao giờ mặtna chịn ly khai, hoặc nói bớt alaigia ra kia, nếu chưa, mà bất cứ gặp trường hợp nào cũng kịch liệt bảo lộn cái «ngă» rồi ai cũng muốn bành trướng cái «ngă» của mình cho to, cho rộng, nên «ngă» này chạm «ngă» kia, vì thế có sự tranh giành xô xát giết hại lẫn nhau, từ cái «ngă» nhỏ đến cái «ngă» to, nên quốc gia biến thành đại loạn. Song tất cả tội lỗi gây ra cho chúng sanh sở dĩ không được giải thoát, một phần lớn cũng tại cái anh «ý thức», ý thức là phân biệt bỉ, ngă, hơn thua nhiều chuyện, xuyên tạc đa đoan, rồi tống vào cho mặtna, do đó mà tham, sân, si, mạn nổi lên, vì vậy nên bị triền phược trong đau khổ. Chúng sanh khó bề giải thoát. Nên trong duy thức có câu:

Lục thất như trung chuyển.

Ngũ Bát quả thượng niên.

Nghĩa là bao giờ đệ lục (ý thức so đo phân biệt) v.v... chuyển thành diệu quan sát trí (nhận thức đứng đắn) và đệ thất (mặtna) chuyển thành bình đẳng tánh trí (không còn như ngă) thì 5 thức trước (mắt tai v.v...) và đệ bát (alaigia) sẽ hoàn toàn giải thoát (1).

BÍ CHÚ: 5 thức trước chuyển thành: thành sở tác trí vì mắt, tai mũi lưỡi, thân, là vô tội vô thường vô phạt. Và thức thứ 8 (Alaigia) chuyển thành đại viên cảnh trí, trí sáng suốt như bức gương tròn, sáng trong vắt, chiếu soi tất cả vạn pháp, nhưng cảnh đến thì gương soi, cảnh đi gương không lưu bóng.

Như thế giáo lý duy thức đã cho ta thấy được nguyên nhân triển phược là ma-na, nguyên nhân sanh tội lỗi là ý thức. Vậy là Phật-tử khi biết được diện mục của nó rồi, thì phải mạnh mẽ trừ khử 2 thức này, nhất là phải rứt cái ma-na rời khỏi alaigia hay dù chưa lý khai hẳn được, để làm những việc hy hữu như đức Phật và các vị Tổ-sư, hoặc những chuyện kỳ kỳ như người xưa v.v... thì ít nhất ta cũng phải hạ bớt cái «ngã» xuống một chút, bằng cách bớt ăn quá sang, bớt dùng quá phí. Mặc dù đây là do phước báo của ta có quyền được hưởng, nhưng ta nên nhìn lại đồng loại quanh ta: đói, không có 1 giọt hồ đồ vào miệng; lạnh, không có một manh dẽ che thân; bệnh, không được 1 giọt thuốc cứu cấp v.v... trong lúc những người ấy đang cùng sống trong thời đại văn minh khoa học... Nghĩ đến những kẻ bất hạnh ấy mỗi người chúng ta chỉ bớt một vé xi-nê, một gói thuốc thơm v.v... cũng có thể vui bớt phần nào đau khổ cho họ. Hoặc về mặt tinh thần, ta có thể nhún chút thì giờ trách tắng, để giúp đồng bào trong mọi trường hợp họ cần, như: giúp người một lời nói cho nên việc. Khuyên người trong lúc sợ hãi, uất hận, dùng lời nói để đem lại sự hòa hiệp, yên vui cho đôi bên. Hoặc tha thứ những điều lỗi lầm của người đối với mình v. v. ...

Nói tóm lại, tất cả công việc trên đây, chúng ta làm được phần nào, tức là chúng ta đã hạ bớt, hoặc nói rộng cái «chấp ngã» ra. Và có làm được như vậy, Phật-tử chúng ta mới gọi là người cầu đạo giải thoát, phụng sự đạo giải thoát, để đặt bước trên con đường đi đến cảnh giải thoát vậy.

Bát biên

Kính tặng
Thầy Huyền-Không

Bóng chiều vàng vờ lá mùa thu
Vây Sáng Xuân trong vũng động tù
Thế kỷ càng nhanh đời càng hẹp
Huyền Không tràn ngát ánh trăng tu

THI-VŨ •

Lược khảo các
Côn-phái trong
Phật-giáo

PHÁP TƯỚNG TÔN

(DHARMA LA KSANA)

(Tiếp theo) Đ.Đ. THÍCH NGUYỄN HỒN

E.— BA LƯỢNG

Khi tâm duyên cảnh, có thể có một trong ba hiện tượng xảy ra:

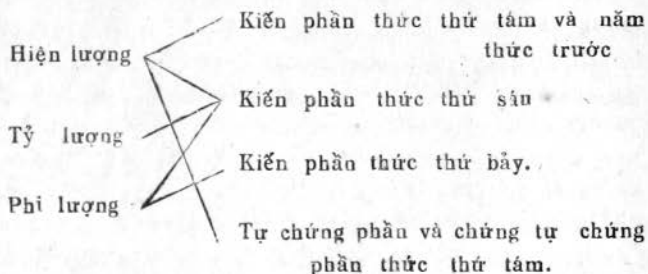
Hiện lượng (Pratyaksha-pramana), Tỷ-lượng (Anumana-pramana) và Phi-lượng (Abhava-pramana). Đó là ba kết quả đem lại của bốn phần hoạt động. Tuy nhiên trong bốn phần, tướng phần ở trạng thái tĩnh, thụ động nên không có tự quả. Vậy có thể nói đây là ba quả của kiến phần, chứng-phần và chứng-tự-chứng-phần.

Hiện lượng là kết quả của sự trực tiếp duyên cảnh hiện tiền, thân chứng được tự thể các pháp. Hiện lượng không cần trải qua suy trắc, phán đoán, so lường, phân biệt, xa lìa mọi danh ngôn, chỉ do kiến phần trực tiếp với cảnh. Như thế thì kiến phần của Mặt-na thức không có hiện lượng bởi vì, như ta đã hiểu, thức thứ bảy luôn luôn lấp kiến-phần đệ bát thức là tự ngã. Hai phần chứng và chứng-tự-chứng đều có hiện lượng.

Tỷ lượng, đây là kết quả của các khả năng tính của đệ lục ý thức. Xét trong 8 thức ta thấy rằng năm thức về trước bị hạn chế trong năm căn không có phương tiện hoạt động tỷ-lượng. Có chăng chỉ có ở ba thức sau. Nhưng đặc biệt đệ thất Mặt-na là thức sai lầm mù quáng rồi, còn đệ bát A-lại-da thức thì không hoạt động, nếu có thì chỉ có kết quả trực tiếp duyên tánh cảnh như thế thì thuộc về hiện lượng rồi. Vậy tỷ lượng chỉ là kết quả riêng biệt của đệ lục ý thức. Hai phần chứng và chứng tự chứng không bao giờ lầm lẫn. Còn tỉ lượng có thể sai lầm.

Phi-lượng là sự nhận lầm nên chỉ thuộc kiến phần chứ không thể thuộc chứng và chứng tự chứng phần được. Đệ bát A-lại-da thức như trên đã nói thì không thể có phi lượng được và năm thức trước cũng vậy. Phi-lượng là kết quả của đệ lục ý thức và đệ thất Mạt-na thức.

Lược đồ sau đây cho ta thấy phạm vi hoạt động của tám thức và mối tương quan giữa các lượng với các phần:



F. BA TÁNH

Đề chỉ rõ chơn và vọng, thực thể và hiện tượng, tồn này lập ra ba tính:

1) *Biến kế sở chấp tánh*. (parikalpita - lakshanam) là tánh mê lầm của chúng sanh suy lường sai lạc chấp có thật ngã thật pháp. Tỉ dụ đêm tối thoạt trông thấy dây thừng tưởng là con rắn.

2) *Y tha khởi tánh*. (parantra - lakshanam) Tức nhân-duyên hòa hiệp. Tất cả vũ trụ vạn hữu vốn không thật pháp, đều do nhân duyên kết hợp với nhau mà thành. Cũng như dây thừng kia do những sợi gai kết hợp lại làm thành.

3) *Viên thành thật tánh*. (parinishpenna - lakshanam) là cái thật tánh viên mãn của các pháp, đúng thật như chính nó, vượt ra ngoài sự hữu, vô, phi hữu, phi vô. Đó là thể tánh chơn như.

Nếu chia ba tánh làm căn bản để giải thích pháp nghĩa, thì ta cũng có thể dựa vào nghĩa đó mà lập Ba Vô Tánh như sau:

1) *Tướng vô tánh*: Nghĩa là các pháp xuất hiện do tâm mê lầm của chúng sanh vọng tưởng, tức biến kể sở chấp, mà có. Thực ra các hiện tượng ấy chỉ là giả tướng chứ không có thật tánh. Vì vậy gọi là Tướng vô Tánh.

2) *Sanh vô tánh*: Nghĩa là các pháp hòa hợp nương nhau sanh khởi tức «y tha khởi», cái này dựa vào cái kia, pháp này nương nhờ pháp khác mà phát sanh những hình tướng sai biệt. Thật ra nó hoàn toàn không có tự tánh nên gọi là sanh vô tánh.

3) *Thắng nghĩa vô tánh*: «nghĩa là sau khi phá trừ biến kể sở chấp, hiểu tánh «y tha khởi» không chấp ngã pháp thì trực nhận cái tánh thành thật của các pháp. Tánh viên thành thật ấy, kinh Giải Thâm Mật gọi là thắng nghĩa vô tánh

G. — BA CẢNH

Tôn này chia đối tượng của thức làm ba loại cảnh:

1) **Đối chất cảnh**: Lấy ngoại cảnh làm bản chất cho tâm duyên vì không thể trực tiếp duyên với tự tướng của cảnh. Tuy nói tâm duyên cảnh mà thực ra chỉ là duyên bóng dáng ngoại cảnh chiếu vào tâm thức. Ta có thể phân biệt hai tính chất của cảnh này:

a) *Chơn đới chất*: Cảnh này do tâm duyên tâm hiện ra. Tỉ dụ như Mạt-na thức duyên với kiến phần của A-lại-da thức, chấp làm tự ngã (tức tướng phần của Mạt-na). Sở dĩ có ngã tướng là vì Mạt-na và A-lại-da duyên nhau mà sinh ra, không lấy chất liệu từ ngoại cảnh.

b) *Tợ đới chất*: Do tâm duyên cảnh, mê lầm mà phát sinh. Tưởng như cảnh ấy là bản chất mà kỳ thật không phải duyên với bản chất. Vì vậy gọi là tợ **Tợ** nghĩa là tương tợ, gần giống, giả hiện v.v...

2) Độc ảnh cảnh: Trái với Đới chất cảnh, đây là cảnh hoàn toàn đơn độc trong ý niệm, trong tưởng tượng do tâm thức tự biến tự duyên. Có 2 loại độc ảnh:

a) *Hữu chất độc ảnh:* là những cảnh hồi ức. Tỷ dụ ta nhớ lại một hình ảnh cũ. Mặc dù hiện tại không có hình ảnh ấy trước mặt ta, nhưng trước kia ta đã được gặp, nghĩa là ta đã lấy chất liệu ngoại cảnh rồi, nên ngày nay mới nhớ lại được rõ rệt.

b) *Vô chất độc ảnh:* Là cảnh hoàn toàn do tưởng tượng sáng tạo, không lấy bản chất từ ngoại cảnh. Tỷ dụ ta tưởng tượng trong óc một ông ba mặt sáu tay hay rùa có lòng, hổ có sừng v.v...

3) Tánh cảnh: Đây là cứu cánh của thể tánh, thực thể của sự vật, không phải bóng dáng của ngoại cảnh cũng không phải cảnh tượng tưởng của tâm thức. Tánh cảnh cũng có thể phân biệt hữu chất và vô chất. Hữu chất là cảnh do duy thức tánh nương theo hiện duyên mà biến hiện nhưng pháp nào cũng an trụ nơi tự tướng của pháp ấy, vô chất là cảnh bình đẳng tịch tịnh của duy thức tánh.

H. — NĂM TẦNG DUY THỨC QUÁN.

Như trên đã trình bày, bốn phần của thức, ba loại cảnh v.v... đủ thấy rằng tất cả các pháp đều do thức biến. Vậy trong khi tu tập các phép quán đề dứt trừ mê vọng cũng đều do công năng của thức và thực hành tuần tự theo năm tầng lớp sau đây:

— Bước đầu tiên, trong ba tánh, người tu quán phá trừ các nhận định sai lầm của tánh « biến kể sở chấp », lưu lại hai tánh « y tha khởi » và « viên thành thật ». Đây là giai đoạn diệt trừ hư vọng phát triển và lưu giữ tánh

thành thật. Giai đoạn này còn sự đối đãi giữa « không » và « hữu ».

— Tầng thứ hai là giai đoạn dứt hẳn mọi tạp loạn của ngoại cảnh chỉ còn lại tâm thức thuần túy. Đây là giai đoạn đối đãi giữa tâm và cảnh.

— Tầng thứ ba là quan sát sự tương đối giữa thể và dụng. Như ta biết, trong tâm thức, tư-chứng-phần là bản thể của thức, tướng-phần, kiến-phần chỉ là tác dụng do tâm thể biến hiện ra. Người tu quán sau khi nhận định như vậy thấy tướng-phần kiến-phần chẳng khác gì ngọn cỏ, tư-chứng-phần mới là cội gốc. Vì vậy cần nhiếp tâm thức về với bản thể.

— Tầng thứ tư là quan sát sự tương đối giữa tâm vương và tâm sở. Trong tư thể của thức có tâm vương và tâm sở. Tâm vương là chủ thể, tâm sở là tùy thuộc. Tâm vương là phần ưu thắng, tâm sở là phần hạ liệt. Người tu quán phải biết nhiếp phục phần hạ liệt để phát huy phần ưu thắng.

— Tầng thứ năm là giai đoạn quan sát sự tương đối về sự lý hai phương diện. Mặc dầu là tâm thức vẫn có sự tướng và lý tánh. « Y tha khởi » thuộc về sự tướng, « viên thành thật » mới là lý tánh. Mục đích người tu quán là dứt trừ phần sự tướng mà thể nhập lý tánh.

Trong năm tầng lớp quán pháp này, bốn giai đoạn trước nhằm dứt trừ « biến kế chấp » quy tâm thức về hai tánh « y tha khởi » và « viên thành thật ». Đến đây mới chỉ là phần « tướng » của duy thức. Tầng thứ năm dứt luôn cả « y tha khởi » chỉ còn « viên thành thật ». Đây mới là giai đoạn thể nhập thật tánh duy thức. Thật tánh ấy là chân như bản thể Phật tánh.

V. — QUẢ VI TU CHỨNG :

Cũng trong 41 thứ bậc tu chứng (đã trình bày ở các tôn Tiểu thừa) tôn này phân biệt kiến lập ra năm bậc, gọi là Ngũ vị.

— Bậc thứ nhất là Tư lương vị. Tư lương là tiền bạc, lương thực, hành trang của người đi đường chuẩn bị trước khi khởi hành. Đây là bậc người cần tu Tam học (giới định, huệ) lục độ (bố thí, tri giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ) v.v... để làm món tư lương bước lên đường giải thoát còn xa thẳm trước mặt. Vì vậy bậc này còn gọi là « thuận giải thoát phần » nghĩa là bậc đã dự phần, hay đã được một phần nào thuận theo con đường giải thoát. Tư lương vị gồm có: Thập trụ, thập hạnh và thập hồi hướng.

— Bậc thứ hai là Gia hạnh vị. Nghĩa là bậc này cần gia tăng, tăng tiến tu tập các hạnh nguyện. Bậc này cần tu bốn thiện căn: noãn pháp, dũng pháp, nhẫn pháp và thể đệ nhất pháp để tiến lên bậc thứ ba. (N.B.: Từ thiện căn tiếng Phạn là Catus-kusala-mula, Pháp này theo Tiểu thừa Câu-xá và Thành-thật sắp xếp sau Tổng tướng niệm trụ; theo Đại thừa như Pháp tướng tôn sắp xếp sau Thập hồi hướng).

Bậc này còn gọi là « Thuận quyết trạch phần » với ý nghĩa là trên con đường giải thoát hành giả đã quyết định chọn lọc kỹ càng.

— Bậc thứ ba là Thông đạt vị nghĩa là bắt đầu thông suốt, soi thấy chân lý. Cho nên bậc này còn gọi là bậc Kiến đạo. Bắt đầu « sơ hoan hỷ địa » đã bước vào bậc này.

— Bậc thứ tư là Tu tập vị, sau khi kiến đạo hành giả thường phải thật hành tu tập. Vì vậy bậc này cũng gọi là bậc Tu đạo.

Tu tập vị gồm từ đệ nhị của «hoan hỷ địa» (Hoan hỷ địa có ba bậc: sơ hoan hỷ địa là Nhập tâm, đệ nhị hoan hỷ địa là Trụ tâm, đệ tam hoan hỷ địa là Xuất tâm) đến hết Thất địa.

— Bậc thứ năm và cũng là bậc cuối cùng là Cửu cảnh vị tức Phật quả.

Sau đây tôi xin làm bảng tóm tắt đối chiếu năm thứ bậc của Pháp tướng tôn và 41 thứ bậc tu chứng:

- | | | | |
|----------------|---|---|--------------|
| — Tư lương vị | — | { | Thập trụ |
| | | | Thập hạnh |
| | | | Thập hướng |
| — Gia hạnh vị | — | | Tứ thiện căn |
| — Thông đạt vị | } | — | Thập địa |
| — Tu tập vị | } | | |
| — Cửu cảnh vị | — | | Phật địa |

Như ta đã biết mục đích tôn này phân tích trình bày cho cho ta thấy sự tương của các pháp là thiên sai vạn biệt nhưng tự tánh của các pháp thì bản nhiên thanh tịnh; cho ta thấy tướng do thức biến, tâm là tự thể, thức là hoặc loạn, tâm là chân như, đề hành giả nhận ra lẽ chân vọng mà phá vọng hiển chân.

Theo pháp Tướng-Tôn, con người mang trong mình hai món hoặc chướng. Gọi là hoặc chướng vì nó là tri thức lăm lặc lăm mê hoặc ngăn lấp bản nhiên thanh tịnh sáng suốt. Hoặc càng nặng thì sức ngăn lấp càng sâu dày. Hai hoặc chướng ấy là phiền não và sở tri.

Phiền não chướng là mối chướng ngại vì ngã chấp. Do ngã chấp mà sinh ra bao nhiêu phiền não khiến thân tâm luôn hoặc loạn không an ổn đề rồi mãi mãi luân hồi trong sanh tử.

Sở tri chướng là mối chướng ngại vì pháp chấp. Do

mê lầm các pháp mà sinh điên đảo không phân biệt đường chánh nẻo tà, hoặc bỏ chọn theo vọng.

Con người chúng ta khi chưa gặp Phật pháp, chưa liễu ngộ và chứng đắc ai cũng có hai mối chướng ngại này. Sự hiện hữu của chúng trong ta một phần do tiên thiên (a priori) gọi là «câu sanh khởi» nghĩa là khi ta sinh ra đã có đủ hai chướng do các nghiệp lực đời trước luân tập. Tại sao lại có sẵn như thế? Bởi có ngã chấp nên mới chịu nhận có thân xác mình từ khi còn ở một thế giới nào đó, với một hình trạng nào đó mà nhập vào thai bào của mẹ. Bởi có pháp chấp nên nghiệp lực mới dắt dẫn ta từ một trong vô vàn cảnh giới đến thế giới này. Vì thế, dù mới là đứa trẻ sơ sinh cũng đã mang sẵn trong tạng-thức của nó chủng tử của hai chướng. Một phần nữa được tạo ra sau này vì tà tư, tà thuyết, tà giáo v.v... bao nhiêu cái tà làm lệch lạc sự hiểu biết của ta khiến ta phân biệt vọng chấp nên gọi là «phân biệt khởi».

Hai chướng này khi phát hiện ra ngoài thì ta thấy rõ rệt, khi không phát hiện thì chủng-tử tiềm phục trong tạng-thức. Tác dụng và ảnh hưởng của nó rất đậm đà sâu nặng, bởi vì nó là sự kiện tất yếu để tạo thành thân xác chúng sanh và kiến tạo thế giới sự vật, cho nên không dễ một lúc hủy diệt được hết gốc rễ và ảnh hưởng của nó. Vì vậy hành giả mặc dù đã đoạn trừ hết chủng tử hai chướng song ảnh hưởng cũng vẫn còn. Ảnh hưởng ấy gọi là «tập khí». Vì như cái bình trà, tuy hết trà mà mùi hương vẫn còn vương vất. Chỉ khi nào đạt đến Phật quả mới hoàn toàn thanh tịnh.

Tôi xin tóm tắt về cùng loại sự hiện hữu, hình trạng của hai chướng, cùng mối tương ưng sanh khởi trong các vị trí các thức và thứ bậc đoạn diệt trong một bảng đồ sau đây:

HOẶC - CHƯỞNG

HIỆN-HỮU

- Gấu-sanh khởi**
- Hiện-hạnh** {
 - Chùng - tử** { Lúc đầu mờ nhạt, sau được phân
 - Tập-khí** { biệt khởi làm sâu đậm thêm.
- phân biệt khởi**
- Hiện-hạnh** { Từ tứ thiện-căn trở về trước đã dẹp
 - Chùng - tử** { được dần dần. Đến tứ thiện-căn
 - Tập-khí** { trở được một cách nhanh chóng.
- Chùng - tử** { Bậc sơ-địa dẹp được một cách
 - Tập-khí** { nhanh chóng.
- Tập-khí** { Từ sơ-địa trở lên bớt dần dần,
 - Tập-khí** { đến thập-địa thì hết.

PHÂN LOẠI

phiền não
chướng

- Hiện-hạnh** { Cùng khởi với 6 thức trước: trước bậc
- Hiện-hạnh** { sơ-địa dẹp được mau chóng (trước
- Hiện-hạnh** { sơ-địa dẹp dần dần).
- Hiện-hạnh** { Cùng khởi với đệ thất thức: bậc
- Hiện-hạnh** { thất-địa dẹp được mau chóng (Sơ-
- Hiện-hạnh** { địa dẹp dần dần).
- Chùng - tử** { Cùng khởi với 6 thức trước, đệ thất
- Chùng - tử** { thức: bậc thập-địa đoạn trừ được
- Chùng - tử** { mau chóng.
- Tập-khí** { Của 6 thức trước, đệ thất thức:
- Tập-khí** { Phạt-địa mới hoàn toàn xả hết.

Sở - tri-
chướng

- Hiện-hạnh** { Cùng khởi với 6 thức trước: bậc
- Hiện-hạnh** { bát-địa mới dẹp được (trước bát-
- Hiện-hạnh** { địa dẹp dần dần).
- Hiện-hạnh** { Cùng khởi với đệ thất thức: trụ ở
- Hiện-hạnh** { thập-địa mới dẹp trừ hết.
- Chùng-tử** { Cùng khởi với 6 thức trước, đệ
- Chùng-tử** { thất thức: bậc thập-địa đoạn trừ.
- Tập-khí** { Của 7 thức trước, đệ thất thức:
- Tập-khí** { Phạt-địa hoàn toàn xả hết.

Như trên đã nói hai phương diện: tướng và thể, thức và tâm, vọng và chơn đồng thời trình bày thứ bậc tu chứng đoạn diệt. Nói thể không có nghĩa vứt bỏ sai biệt mà được đồng thể, bỏ thức được tâm, quan niệm như hai sự kiện thực hữu và xung đối. Trong kinh luận, chúng ta đã gặp nhiều giải thích và nhiều thí dụ. Vấn đề tu chứng chỉ là chuyển hóa. Sóng lặng thì chính sóng là nước. Nước động thì do nước sinh ra sóng. Kết quả của tu chứng chính là chuyển thức thành trí, chuyển cái vọng động, hữu lậu thành tịch tịnh vô lậu. Trong tám thức hay tạo nghiệp sẽ được chuyển hóa.

Đệ bát thức hay hàm chứa các chủng-tử mê hoặc được chuyển thành một thể bao dung tròn sáng của tre tuệ vi như mặt kính to lớn, gọi là Đại viên cảnh trí (the great mirror wisdom of Aksobhya).

Đệ thất thức hay thiên lệch chấp ngã được chuyển thành « bình đẳng tánh trí » (the universal wisdom of Ratnaketu).

Đệ lục thức hay phân biệt sai lầm được chuyển thành trí tuệ có công dụng quán sát rất vi diệu (the profound observing wisdom of Amitabha).

Năm thức trước hay tạo tác nghiệp hữu lậu được chuyển thành trí tuệ có công năng hoàn thành các nghiệp vô lậu (the perfecting wisdom of Amoghasiddhi).

Tóm lại đại viên cảnh trí là tâm phẩm tánh tướng đều hoàn toàn thanh tịnh, đầy đủ đức tánh sáng suốt không còn vướng một mảy may ô nhiễm như mặt gương chiếu hiện muôn vàn cảnh tượng mà không vướng một cảnh tượng nào. Bình đẳng tánh trí là tâm phẩm quán

sát tất cả các pháp đều bình đẳng. Từ bình đẳng tánh tri phát ra tâm đại từ bi đem lợi lạc phổ cập chúng sanh. Diệu quan sát tri là tâm phẩm quán sát các pháp tự tướng công tướng đều vô ngại. Từ đó có thể thực hiện lợi lạc cho chúng sanh một cách dễ dàng không bị trở ngại. Thành sở tác tri là tâm phần thị hiện mọi biến hóa để hoàn thành bản nguyện cứu độ chúng sanh.

Viên mãn bốn tri này, đó là điều kiện tất yếu trên con đường đi đến Niết-bàn giải thoát.

- xin cho con được danh là Thầy -

biết bao là ngưỡng mộ đạo hạnh của Thầy! xin cho con sớm được

Sách mới

xuất gia để nơi gót đấng đại tri
Van Hanh - Đại Học 29/02/19
10 h 30. L.T.T.

Chúng tôi vừa nhận:

- **THOÁT VÒNG TỤC LỤY:** truyện dài của TỊNH-VÂN Dịch-giả Đại-dức THÍCH-QUẢNG-ĐỘ. Bia do Hòa-sĩ Trần-vân-Thọ trình bày. Mỗi tập 45\$.

- **DƯỚI MÁI CHÙA HOANG:** tập chuyện ngắn của Đại-dức THÍCH-QUẢNG-ĐỘ. Bia do Hòa-sĩ Tú-Duyên trình bày. Mỗi tập 30\$.

- **TIN TƯỢNG** Cơ-quan liên-lạc của Sinh-viên Phật-tử Việt-Nam, tại chùa Xá-Lợi Sài-gòn. (Không để giá bán).

- **HOANG VU** Thi-phẩm của Thi-sĩ NGUYỄN VỸ Giám-đốc tạp-chí Phổ-thông. Bia do Hòa-sĩ Duy-Liêm trình bày. Phụ bản do 2 Hòa-sĩ Ngọc-Dũng và Minh-Tài. Mỗi tập giấy thường 30\$, giấy đặc biệt 80\$.

- **THƠ TUỆ-MAI** Thi-phẩm của Nữ-sĩ TUỆ-MAI. Hòa-sĩ Duy-Thanh trình bày. Lời nói đầu của Nguyễn sĩ Tế. Doãn quốc Sĩ xuất bản. Mỗi tập 150\$.

Chúng tôi xin cảm ơn quý Tác-giả, Dịch-giả các tập sách trên và hoan hỷ giới thiệu cùng Độc-giả Liên-hoa.

L.H.

Hoàng hôn

Mây trôi về bến cũ
Bơ vơ ở cuối trời
Đường đi trùm bóng tối
Lác đác lá vàng rơi

Bờ xanh chìm hoang vắng
Dòng nước cuốn thời gian
Cô đơn vào ngõ hẹp
Nghe thao thức dâng tràn

Lối mòn về viễn thôn
Đôi thay trò tang hải
Bao lớp người ra đi
Bao lớp người trở lại

Gió sương pha màu tóc
Còn đâu tuổi đời mươi
Âm thầm trong tiếng khóc
Đau khổ bấy kiếp người

Chùa xa ven triền núi
Hồi chuông nhẹ ngân đưa
Âm thanh chuyển muôn lối
Thanh thoát tự bao giờ.

Minh-trí (Quinhon)

MỘT NGỜ MƯỜI TỘI

★ ★ ★

Chuyện ngắn của
Dương trường Giang

TÔI thức dậy sớm hơn mọi ngày và vội lấy sách ra xem lại bài học. Tôi đứng lên để nhìn vào chiếc đồng hồ tay của tôi móc trước tấm lịch, 5 giờ sáng.

Trời lạnh, tôi cảm thấy khó chịu ở hai bên màng-tang và luyện tiếc cái ấm áp vừa qua khi nằm trên giường đắp chăn dạ phủ đầu. Cả nhà đang ngon giấc. Tai nghe rõ tiếng thờ đều đều của Hòa bên giường, trong phòng tôi. Hòa là chú em cô cậu với tôi, mới đến ở trọ hơn một tuần nay. Hòa mới xin được việc làm tại một hãng buôn ngoài phố. Làm hãng buôn thì sáng đi chiều về, trưa ở lại ăn cơm ngoài phố, còn tối thì khỏi phải lo nghĩ gì, cứ việc đánh một giấc thẳng đến sáng, đến khi nào dọn cơm xong xuôi mới chịu dậy.

Tôi chăm chú coi lại bài. Những hàng số, những phép biến đổi phức

tạp nhưng thần tình, làm tôi say mê. Bỗng có tiếng động mạnh ngoài cửa phòng. Tôi ngẩn nhìn lên và thấy thằng ở đang lom khom dọn dẹp để quét phòng. Nó nhướng lên để nhìn vào chiếc đồng hồ đeo tay của tôi treo trước tấm lịch để xem giờ. Hãng ngày nó vẫn làm như vậy nên tôi cũng không để ý đến nó nữa và cúi xuống coi bài.

Một chập tôi nghe nó hỏi:

— Chú, phải sáu giờ rồi không, chú?

Cái thằng này hôm nay lại lười thôi. Tôi muốn bảo nó quét mau rồi đi xuống nhưng không biết vì có gì lại đứng dậy, lấy tay quay mặt đồng hồ ra ngoài sáng để xem giờ cho kỹ.

— Ừ, sáu giờ đúng rồi đó!

Nghe xong câu trả lời, nó đứng lăm nhăm một lát rồi lại lom khom

quét phòng. Khi nó cầm chổi đi ra ngoài độ một chập, tôi mới đứng dậy sửa soạn đi rửa mặt và ăn cơm. Giờ toán sáng nay bắt đầu lúc bảy giờ.

Những công việc ở nhà dưới thì tôi không nhớ kỹ là tôi đã làm việc nào trước, việc nào sau, nhưng rõ ràng là tôi không mang đồng hồ tay theo. Ấy thế mà khi trở lên phòng để sửa soạn đi học thì không thấy chiếc đồng hồ tay treo trước tấm lịch nữa. Thật là lạ! Hòa thì còn nằm ngủ, còn thằng ở thì đi ra trước tôi và đang quét ngoài sân. Tôi vụt ra sân hỏi nó nhưng nó bảo là từ nãy đến giờ, nó không trở lại phòng tôi nữa.

Lúc này trong nhà cũng đã dậy. Chị tôi đang ngồi ở nhà dưới, nghe nói mất đồng hồ, vội chạy lên phòng tôi. Chị thức chú Hòa dậy, vén màn, giũ mền. Vừa hỏi, chị vừa tìm khắp nơi, trong gối, dưới chiếu, trong các chõng sách vở. Mẹ tôi nghe ồn cũng vào, rồi mở toang các cửa sổ, bật điện sáng choang để lục tìm.

Chỉ có ba tôi và anh tôi vẫn ngồi xem sách, trông có vẻ thản nhiên. Riêng tôi, tôi không biết nên kiếm ở đâu nữa. Cũng không biết nên nghĩ cho ai cả. Nghĩ cho thằng ở thì cũng tội, mà không lẽ chú em tôi lại có thể lấy. Nghĩ mà ngo-

ngán. Đây là lần thứ hai tôi bị mất đồng hồ. Lần trước, cách đây chừng ba năm, khi đi tắm sông, tôi bị mất chiếc quần « đa-krông » mới mà tôi cởi ra vắt trên xe đạp, trong đó có cả chiếc đồng hồ buộc vào giây nịt. Lần này, chỉ trong khoảng vài mươi phút, treo ở trong phòng mình, mà chiếc Wiler, không thần thông 72 phép như Tề-thiên đại-thánh lại có thể dăng văng đi ngả nào mất.

Gần đến giờ học buổi sáng rồi. Tôi nhảy lên xe, đạp thật nhanh. Dọc đường, tôi thấy dễ chịu hơn. Tôi đến trường thì vừa kịp vào học.



Trưa hôm đó, vừa về đến nhà, tôi nghe chị tôi và mẹ tôi đang bàn bạc ở nhà dưới. Tôi đoán biết là chưa tìm ra chiếc đồng hồ nên đi vào cửa trước. Tôi gặp anh tôi đang ngồi trầm ngâm suy nghĩ. Anh tôi kêu tôi giật lùi:

— Ph... khi sáng, em có chắc đã treo đồng hồ trước tấm lịch không? Và tuần tự em làm những gì?

Tôi kể lại rành mạch cho anh nghe. Vài lúc, anh ngắt lời tôi để đặt câu hỏi:

— Em có nhớ đúng đã coi giờ, lần sau cùng, lúc 6 giờ không?

— Khi đi ra sau rửa mặt, em có mang đồng hồ đi không?

Sau khi nghe xong các câu trả lời của tôi, anh bảo:

— Thật khó mà tin rằng đồng hồ bị đánh cắp. Khi sáng thì anh ngỡ rằng em lơ-dâng mà bỏ quên ở đâu đó. Hay bây giờ ta thử tìm lại xem.

Rồi hai anh em tôi vào lục soạn tất cả. Chúng tôi khiên cả kệ sách, lấy chổi quét sạch các góc. Khi đó, chị tôi ở dưới bếp đi lên, bảo thật lớn:

— Thôi, đừng tìm nữa, vô ích. Khi sáng cũng đã tìm hết rồi. Bây giờ thì cái đồng hồ không còn trong phòng này nữa đâu.

Câu nói vừa có vẻ giận, vừa tiếc. Nghi là có người lấy mà không biết nghi ai. Chúng tôi vẫn cứ tìm quanh. Không biết, lúc ấy, anh tôi có nghi cho ai không, nhưng sự im lặng của anh đã làm chị tôi khó chịu. Chị tôi nóng nảy:

— Tôi nói đừng tìm nữa. Khi sáng thì cứ làm thỉnh đề cho hần bay mất. Bây giờ mới cong lưng mà tìm.

Tìm tôi cùng khắp, vẫn không có. Tôi chắc mười phần là mất cả mười rồi. Tôi đặt vài giá thiết. Cố nhiên là thằng ở bị nghi ngờ

nhều nhất. Còn người thứ hai là chú Hòa cùng ngủ với tôi trong phòng cũng không tránh khỏi.

Anh tôi vẫn lặng thinh suy nghĩ. Một chập, anh đi ra ngoài vườn. Tôi thấy anh giờ các đồng cùi, mò vào các kẹt phen. Trong khi đó, chị tôi vẫn cứ ri rả nói:

— Khi sáng ở nhà đã tra hỏi đồ đạc ở đâu ở đủ cách rồi mà hần vẫn không nhận. Mà nếu như hần lấy thì chẳng mấy bữa trước, để quên đồng hồ ở nhà, hần đã lấy rồi!

Mới nghe thì không ai khỏi nghĩ rằng chị tôi nghi cho chú Hòa. Hai người đang bị ngờ, bảo rằng người này không lấy thì tất là muốn ám chỉ vào người thứ hai. Nhưng tôi, tôi không tin rằng chị tôi dứt khoát buộc cho chú Hòa lấy. Chị tôi muốn trình bày một sự việc đã qua, muốn trách cứ sự tìm kiếm mù mịt của anh tôi và trong lời nói thiếu hần một đề đặc cần thiết.

Giữa chị tôi, và anh tôi tôi thấy rõ chị tôi thua hần về phương diện điềm tình. Trước đây, có một lần, thằng Cu con anh chị tôi, bị một thằng bé hàng xóm chận đập. Thằng Cu chạy về khóc rấm rứt. Anh tôi đi làm về trước, thằng Cu mới đem chuyện bị đánh ra mách. Nghe

xoang đầu đuôi, anh tôi vẫn hỏi con nhiều câu làm hấn trả lời không được:

— Không lẽ tự nhiên mà hấn đập con?

— Tại sao đã nói nhiều lần đừng chơi với bọn hung hấn ấy mà còn lần la lên chơi làm chi?

Thực ra thì trong việc này, thằng Cu cũng sinh sự không ít nên hấn đành đứng im chịu lỗi.

Sau đó, chị tôi đi phố về. Nghe nói con chị bị đập, chị tôi đề luôn cả y phục, dắt thằng Cu đi thẳng đến nhà hàng xóm. Chị kêu mẹ thằng kia ra, chỉ mấy chỗ bị sưng trên đầu thằng Cu và đòi bà ấy phải trưng trị con bà. Cố nhiên là thằng bé kia bị vạ rơi vào móng hấn hơi rồi, chị tôi mới dẫn con về.

Trong bữa cơm trưa ấy, chúng tôi bàn luận sôi nổi. Chị tôi nói nhiều nhất. Một chập sau, Ba tôi mới lên tiếng:

— Thôi, mất rồi thì thôi. Có nói nữa cũng không tìm ra. Người khác dùng thì mình khỏi dùng vậy,

Chúng tôi cho đó là một lời tự an ủi. Chị tôi ngồi im một chút, rồi như không chịu nổi, chị nói:

— Biết mất trong không dầy nửa tiếng đồng hồ mà tìm không ra, thật đáng tức!

Ba tôi thông thả, bảo với chúng tôi.

— Mất ở ngoài thì là lỗi tự

người phần lớn. Mất ở trong nhà là lỗi ở mình.

Câu nói hàm súc một ý sâu xa. Tôi tự thấy tôi đáng trách nhất là đã không giữ gìn để gây ra lo lắng trong nhà. Còn chị tôi thì hình như không chịu như vậy, chị muốn nói nữa. Nhưng biết trước. Anh tôi chặn lại:

— Nếu như nghi mà có cách tìm ra thì cũng nên nghi. Còn biết không tìm được, nghi để mà nói cho hả thì cái đó không có chút ích lợi gì. Cho việc nó trôi qua để cho khỏe trí, để khỏi nhọc lòng. Tự mình khơi thêm sầu não là tự mình làm khổ mình mà thôi.

Chị tôi làm thỉnh luôn từ đấy nhưng có lẽ vẫn không bằng lòng cho lý luận của Ba tôi và Anh tôi.



Buổi chiều, tôi đi học về sớm. Tôi thấy thằng ở buôn thỉnh, bỗng em đứng ở góc hè. Tôi nhớ lại lời chị tôi kể là ban sáng, khi trong nhà đi tìm đồng hồ, hấn có hỏi: « Đồng hồ nó giá mấy? » nên tôi kêu nó lại và căn vặn về ý nghĩa của câu ấy. Nó trả lời:

— Con thấy chú gia tài chỉ có một cái đồng hồ mà thôi, nên con thương chú mà hỏi như rứa!

Câu nói của hấn có vẻ thật tình mà cũng có thể giả dối. Thật là khó hiểu, cái tâm trạng thằng bé này. Tôi muốn hỏi thêm vài điều nữa nhưng sợ nhớ tới lời dạy

của Ba tôi khi trưa, tôi làm thỉnh đi vào phòng, ngả mình xuống giường, lấy tập Thủy-Hử ra xem.

Một chặp thì chú Hòa đi làm về. Chú ấy ở lại buổi trưa ngoài tiệm nên về sớm buổi chiều. Vừa vào tới nhà, Hòa hỏi ngay mẹ tôi :

— Thưa mẹ, chiếc đồng hồ của anh Ph. tìm ra chưa ?

Không hiểu sao, mẹ tôi trả lời :

— Tìm ra rồi ! Thôi đừng nhắc lại chuyện cái đồng hồ nữa mà thêm sinh sự !

Nằm trong phòng nên tôi không thấy rõ biến chuyển trên gương mặt Hòa thế nào, nhưng tôi nghe có tiếng nói to :

— Rứa mà chị Ba cứ nói con lấy ! Không thằng ở thì con chó ai rứa.

Mẹ tôi và Hòa nói chuyện gì thêm nữa, tôi không theo dõi được rõ vì đang đọc đến đoạn hay trong Thủy-Hử. Tôi cũng muốn lấy chuyện đời xưa, chuyện Tống công Minh chiêu tập anh hùng bốn phương ở Lương-sơn-bạt mà vui lấp chuyện đồng hồ của tôi cho rồi, nhưng tôi không thực hiện được. Vì lẽ ở ngoài nhà đã nghe có tiếng cãi qua cãi lại ồn ào giữa Hòa và chị tôi từ nhà dưới nói lên.

— Khi mất đồng hồ chỉ có hai đứa, tui nói Hòa không lấy thì thằng ở lấy, mà thằng ở không lấy thì Hòa lấy. Đó là chuyện thường, ai cũng nói như rứa.

— Chị nói thế là làm mất danh

dự thằng này. Thằng này cũng đã ngồi trên tiền trên bạc. Nói thiệt với chị, nếu tôi có tiền thì tôi cho thằng ở một ngàn đồng để đền cái đồng hồ ngay.

— Danh dự ! danh dự thì ai lại không có. Rứa thằng ở, nó không có danh dự của nó sao ?

— Thằng nghèo thì để nghị là ăn cắp hơn !

— Chưa chắc, nhiều khi kẻ gian lại là kẻ làm tiền làm bạc đó !

Câu chuyện đến đây thành là lý luận lung tung, đề mỗi người giữ phần thẳng cho mình chớ không còn đi sát vấn đề cụ thể nữa. Chị tôi cố nhiên là không nhịn, còn chú Hòa cũng không chịu kém. Lời lẽ đã đi đến chỗ nặng nề.

Tôi buồn sách, chạy ra đề đàn xếp nhưng cái tài lý luận của tôi đối với các con số, đề giải các phương trình toán học, không có một chút hiệu lực nào để làm dịu các cơn giận. Lúc này, mẹ tôi đi vội ra vườn đề cầu cứu ba tôi.

Sự đổ vỡ đã không còn cách gì hàn gắn được nữa rồi ! Chị tôi bước đến đòi đập chú Hòa về tội nói hỗn thì chú Hòa cũng dọa sẽ đánh lại chị tôi. May thay, lúc ấy ba tôi bước vào. Bình thường, ba tôi có tiếng là hiền, hiền đến nỗi mấy đứa cháu nghịch ngợm, đánh bậy, làm ồn ào, thế mà vẫn cứ làm thỉnh, ấy vậy mà lúc này, tôi thấy ba tôi có một uy lực lạ lùng.

Cả hai người đều lặng thinh. Chị tôi lui về ngồi trên ghế. Một chặp sau, ba tôi bảo:

— Chị em mà không biết nhường nhịn nhau thì thôi. Thôi, để khỏi gây sự ồn ào nữa, tạm thời thằng Hòa dọn xuống ở dưới nhà cậu Bích, sau này sẽ hay. Còn con Ba, thì xuống dưới coi làm cơm đi.

Và quay sang phía tôi, ba tôi nói tiếp:

— Lỗi là tại thằng Ph. này cả! Mình đề hoc hỏng mới để gọi lòng tham của kẻ khác. Một mất mười ngờ, một ngờ mười tội. Lỗi con nặng nhất.

Khi ấy thì anh tôi cũng vừa về. Biết hết công chuyện, anh tôi thở dài rồi nói trống:

— Ba đã nói chuyện qua rồi thì đừng nhắc lại nữa. Mất cái đồng hồ là mất có một ngàn đồng. Mất tình chị em là mất gấp bao nhiêu lần nhiều hơn nữa.

Tôi cúi đầu chịu hết. Một mất mười ngờ, một ngờ mười tội, vậy là tôi phải chịu đến một trăm tội. Một trăm tội. Trước đây, ở lớp tôi có một anh bạn bị mất cây

viết máy trong giờ ra chơi, khi đi ra ngoài sân. Lúc vào lớp, anh ta không thấy cây viết để trên bàn nữa nên lên thưa thầy. Thầy giáo cho lục tìm ở trong bát của học sinh, bắt học sinh đi ra ngoài lớp và khám xét từng người một. Không có kết quả gì mà mất gần trọn một giờ học, gây một không khí bất hảo giữa anh em học sinh. Sau cùng thầy giáo tuyên bố phạt anh bạn bị mất viết. Tôi nhớ rõ ràng là lúc ấy tôi không phục thầy tôi chút nào nhưng bấy giờ đây thì tôi hoàn toàn tự giác rằng tội lỗi do tôi gây ra. Tôi cho là tại vì sự sơ ý của tôi mà chị tôi và chú Hòa gây nhau. Và tôi không hề nào không ân hận khi thấy Hòa lên xe, chờ theo sau một cái chăn, một cái bát đập ra khỏi nhà tôi. Và làm sao tôi không đau lòng khi nhìn chị tôi bỏ ăn tối ấy, rồi đến lúc 9 giờ tối, chị bước vào phòng bảo nhỏ với tôi:

— Ph. ơi! Em chịu khó dọn xe xuống nhà chú Bích xem thử thằng Hòa có xuống đó không. Chị sợ hấn buồn mà bỏ đi lung tung thì chúng ta sẽ ân hận vô cùng.

HÃNG BẢO - VẤN

76 NGUYỄN TRI-PHƯƠNG — Đà-nẵng

Điện thoại số: 116 — Hộp thư số: 73

ĐẠI-LÝ CÁC LOẠI: Xe hơi, Vespa, Velosolex.

CHUYÊN BÁN: Phụ tùng vỏ ruột và xe hơi,

GA-RA: Sửa chữa máy móc, Vận tải công cộng

Bức thư bỏ ngõ

Bạn

TÔI biết, có ngày nào đó, bạn tựa lưng bên giàn thiên-ly, mắt dăm dăm qua lũy tre xanh hướng đến ngôi Chùa Phật-Giáo đầu làng nhìn những bóng lam chập-chờn nháy múa. Thật ra không phải bạn nhìn những bóng lam đó chập-chờn mà bạn đã ngẩn tai vì những bài hát vui tươi và ngộ-nghĩnh của Gia-đình Phật-tử. Bỗng dưng có lúc bạn nhíu mày lại và than thầm: «Sao lại có những bản nhạc kỳ quái, lai căn thế, Gia-đình Phật-tử nghèo nhạc lắm à? túng nhạc lắm à?» Cảm ơn Bạn. Bạn than phiền phải lắm. Tại sao một bản nhạc lai-căn lại được nghênh-ngang quây-cuồng, diên-dại, quấy-rối giữa khoản đất thanh-tĩnh, trời thanh-bình, không khí trong lành và đoàn trẻ thơ-ngây trong sạch ấy!

Bạn nhắm mắt lại thở phào một tiếng, hơi gió ngược chiều mon-man bên tai bạn: «Ông Bạn đừng buồn. Đó chỉ là chiếc áo vá vụng-về. Còn nhiều lắm, còn đây những chiếc áo màu lam trong-sáng và êm-lành rải-rác đi bốn phương, chỉ thiếu bàn tay quy-tụ mà thôi. Bạn nhìn lên kia, trời tươi đẹp lắm, trời của ngày mai nhưng là sự kết tụ của hôm nay. . . Một trời hy-vọng. . .» Thế rồi, tiếp theo tiếng gió, bao nhiêu hơi nhạc tràn về hòa âm diễn xướng. Bạn dẽ-mê một lúc, một lúc quá lâu hay thời-gian đi qua mau không biết cho đến khi bạn mở mắt thì một bóng lam tiến đến gần bạn, đôi mắt sáng, miệng luôn luôn mở nụ cười trên môi trình lên bạn một tập sách mới, bìa 3 màu, thanh-nhã. Bạn lặng lẽ cảm-dộng trong khi ấy người trai áo lam tiếp: «Tôi trân-trọng giới-thiệu với anh một tập «Nhạc Gia-đình» vừa in xong và sẽ phổ-biến cho hết thầy mọi Gia-đình không phân-biệt màu da, đẳng vị. Tập Nhạc mới này gồm có 30 Nhạc-phẩm của 15 Huynh-trưởng Nhạc-sĩ trẻ tuổi trong Gia-đình Phật-tử phổ nhạc, có đủ từng phần

cho từng ngành, thích hợp cho hết thảy mọi tâm-hồn mến Đạo và có thiện-cảm với Gia-đình Phật-tử như anh, nhất là đối với anh nó là một bầu nước ngọt và trong lành mà anh từng khao-khát. Tôi khỏi phải «ngôn» nhiều. Xin đề lại sự thường-thức Đạo-vị cho anh. Tôi mạn phép giới-thiệu với anh, xin anh hoan-hỷ: «Tập nhạc mới này chỉ là tập nhạc đầu tay và ra trong dịp kỷ-niệm Thành-Đạo. Trong đó gom góp hết các bài nhạc thuộc về ngành Thành-Đạo. Chắc rồi cũng sẽ đến tận tay anh tập II vào dịp Đản-sanh, tập III vào dịp Vu-lan và tập IV vào dịp đầy tuổi-tôi của nó, ngày Thành-Đạo sang năm, ngày kỷ-niệm Mười lăm năm thành-lập Gia-đình Phật-tử Việt-Nam tại Trung-phần. Những người con trung-thành và thân-yêu của đức Từ-phụ, trong đó có anh, đang nỗ-lực ca-ngợi hiến dâng tất cả những gì quý báu nhất của đời mình lên ngài để tạ ơn. Anh khỏi ngạc-nhiên: «Đó là sự cúng-dường của hết thảy những nhạc-sĩ Phật-tử trẻ tuổi. Người ra được tập nhạc Gia-đình này chỉ là người có công góp nhặt, sưu-tầm, tranh-dấu và ấn-loát mà thôi. Anh đừng khen chi. Bồn-phận chỉ có thế. Tôi sẽ lại gặp anh vào dịp Khánh-Đản năm đến. Chào anh».

Bạn tĩnh mộng và tự hỏi: «Thật hay hư?»

Mây từ từ lan tỏa ra để ánh mặt trời sáng chiếu trên giàn thiên-lý. Gió lại nhũ thăm: «Tùy ông bạn. Nhưng dầu sao, sự thật vẫn là sự thật».

Cành hoa thiên-lý rung-rinh, hương thiên-lý tỏa nhẹ nhàng chung quanh bạn.

Xin hẹn tái-ngộ và kính chào tinh-tấn.

Tâm - Khai

Ban Hướng - Dẫn Gia-Đình Phật-Tử Trung-Phần
có trưng bày trong dịp Kỷ-niệm Thành-Đạo

TẬP NHẠC GIA-DÌNH

Với 30 bản nhạc chọn lọc của 15 Huynh-Trưởng nhạc-sĩ.

*Bìa 3 màu thanh-nhã do Huynh-trưởng Họa-sĩ
TÂM-KHAI trình bày. Giá đặc-biệt 25\$00*

NƯỚC TỈNH RỬA THÙ

(Kịch 3 màn của Hoàng-Ăn)

(Tiếp theo)

Mã Hùng:

(rút kiếm chỉ vào mặt La-Hầu) La-Hầu! Giờ đến tội của mi đã đến nơi rồi. Vì mi mà cha ta phải rơi đầu trên pháp trường; mẹ ta sớm thác nơi rừng sâu. Vì mi mà ta phải cô độc một mình. Vì mi. Vì mi. Mi phải chết. *(đưa cao thanh kiếm chém xuống nhưng kiếm vừa gần cổ La-Hầu thì hai tay bỗng run run...)*

«Và trong hậu trường có tiếng vọng đưa ra... «Con ơi!»! Mẹ không muốn máu nhuộm đỏ Hoàng-cung, tang tóc đeo rắc trên đầu giòng họ La-Hầu. Mặc dầu giòng họ ấy đối với ta là kẻ nghịch. Không. Mẹ không bao giờ phản bội cha con cả, nhưng mẹ không muốn con lấy oán báo oán, gây dơ thêm máu hận thù gây thêm nghiệp nặng...»

Mã Hùng:

(lảo đảo) Trời! Lời Mẫu hoàng lại văng vẳng bên tai và dưới mắt tôi, La-Hầu không còn là một đại-đế nữa mà chỉ là một chúng sanh tội nghiệp, đáng thương, đang nhắm mắt mò man trong cõi u minh đen tối. Tôi nữ nào... *(lạt lạt lạt tức giận)*. Nhưng gia đình đang sum họp bỗng nhiên chia lìa và thân ta một Công chúa mỹ miều phải cải dạng nam nhi sống cô độc mười mấy năm trường, mười mấy năm rồi và còn đến bao giờ nữa? Ta sẽ mang mãi lột trai để phò La-Hầu, phò kẻ thù hay sao? Không. Không thể. Ta phải cương quyết mới được... *(xăm xăm chém, nhưng gươm vừa dấy xuống thì tay lạt cũng run run...)*

Và trong hậu trường tiếng vọng lại đưa ra: «*Hương-Trình con ơi! con đã biết cảnh tang tóc, chia lìa đau khổ đến dường nào thì không nên để cho kẻ khác cùng chung cảnh ngộ như ta...*»

Má Hùng:

Phụ Hoàng ơi! dưới mắt con bỗng diễn ra cái cảnh: muôn vạn chúng sanh, con khóc, mẹ la, chồng ngỡ ngác, bồng bế nhau lội trên biển máu mênh mông mà đi đầu là La-Hầu, Hoàng-hậu và triều đình tranh giành nhau, chừ hầu dấy loạn, chiến tranh ò ạt đâm nát khắp nước ta và không khéo tổ quốc lại lâm vòng xiên xích, trăm họ sẽ khổ sở biết đến bao giờ mới thôi, thì thử hỏi ai là người đã gây nên tội lỗi?... Phụ Hoàng ơi! La-Hầu chết phụ hoàng cũng không còn, La-hầu sống xá tắc vững yên, con xin Phụ-hoàng hãy vì tổ quốc, vì quyền lợi muôn dân mà tha thứ cho hắn. Con tin chắc hắn sẽ ăn năn hối hận, càng cứu nước thương dân đem hạnh phúc gieo bách tánh đề đền tội ác. Thế là ta đã lấy ân đức mà cảm hóa lòng người như lời Mẫu hoàng trời trăn (*bỏ kiếm vào vỏ*) La-hầu trở mình ú ớ chộp mắt ngồi dậy miệng làm bầm,

La Hầu:

Nguy!... Nguy quá!.. Nhưng không phải sự thật!.. (*đến gần Má-hùng*) Chao ôi! Trầm vừa mơ một giấc mơ khủng khiếp.

Má Hùng:

Bệ hạ mơ thấy gì?

La Hầu:

Trầm thấy con gái vua Thành-Tông cầm gươm đuổi theo trầm. Trầm sợ quá!

Má Hùng:

Một vị Đại-Đế oai quyền như bệ hạ mà sợ sệt một người con gái?

La Hầu:

Ồ!.. Nhưng trầm chỉ sợ trong giấc mơ thôi

Má Hùng:

Nhưng nếu giấc mơ biến thành sự thật và người con gái ấy hiện đứng trước mặt bệ hạ thì bệ hạ liệu xử bằng cách nào?

La Hầu:

(*tự nhiên đưa tay lên cầm đốc kiếm, lùi xa mấy bước*) Thế là nghĩa lý làm sao?

- Mã Hùng :** Nghĩa là Mã-Hùng Vô hộ giá tức là Hương-Trinh Công-chúa con vua Thành Tông.
- La Hầu :** *(ngơ ngác nhưng chưa tin chắc)*
- Mã Hùng :** *(Trật tử, còi nhưng bào đề lộ thân hình một cô gái dưới lớp áo màu thiên thanh).*
- La Hầu :** *(lâm bâm)* Chính sự thật! Thôi còn gì là tánh mạng ta nữa!
- Mã Hùng :** Bệ hạ ơi! mười lăm năm về trước Đại-Đế Thành Tông đang sống yên vui trong Hoàng-cung với vợ con thì bỗng nhiên bị bệ hạ lập mưu cướp đoạt ngai vàng, gây ra cảnh tang tóc chia lìa. Đứa con gái của ông vua mất nước mới năm tuổi phải vào rừng sống với thú vật chim muông. Đến lúc nó đã hiểu sự đời, liền ghi tâm khắc cốt quyết chí phục thù nên cải dạng nam nhi vào cung ở với bệ hạ để trở thành quan Vô hộ giá. Mười mấy năm đó chờ cơ hội phục thù thì cơ hội đã đến. Bệ hạ vừa ngủ say, nó đã đưa gương dâm cô bệ hạ nhưng gương vừa dâm xuống thì nó lại nghe văng vẳng bên tai lời mẹ nó trăng trối : nên lấy tâm từ bi mà tha thứ cho bệ hạ. Nó không nỡ giết bệ hạ, nhưng giờ đây bệ hạ có ăn năn hối hận thấy lại tội lỗi của mình không ? *(một giây im lặng, La-Hầu cúi đầu)* Đại-Đế Thành Tông ân sủng bệ hạ, tin dùng bệ hạ đưa bệ hạ lên ghế nhất phẩm triều đình, thế mà bệ hạ vẫn cướp ngôi. Đã đành ngôi bá chủ là chung cho trăm họ, ai có tài thì lên nắm giữ để làm lợi ích cho quốc gia Nhưng nước nhà hồi ấy đang lúc thịnh trị và Đại-Đế Thành-Tông không phải là một hôn quân, thì quyền chấp chánh việc gì phải thay đổi? Đó là bệ hạ vì lòng tham mà bội tín chứ không phải vì muốn sửa sang việc nước mà gây đường chính biến. Vì lòng tham mà bệ hạ quên đạo quân thân, tình tôi chúa, quên bạn, quên thầy. Vì lòng tham mà bệ hạ trở nên ác độc tàn nhẫn, đã cướp ngôi của Phụ-Hoàng tôi, lại còn đưa

người lên đoạn đầu dài. Và chính tôi, nếu không lạnh chân thì cũng đã gục đầu dưới tay dao phủ. Tôi, một đứa bé năm tuổi làm gì nên tội? Vì lòng tham mà bệ hạ dễ quyền lợi của mình lên trên mạng sống con người! Vì lòng tham! Vì lòng tham cả bệ hạ ơi!

La-Hầu :

(Ngồi xuống ôm đầu có vết đau khò) Ta tham lam! *(Một giây đứng dậy đưa hai tay run run)* Ta tham lam nên nhắm mắt trước nạn khói lửa binh đao! Ta biết nếu ta cướp ngôi Thành-Tông thì thế nào hai nước Hồng - Châu, Lục - Thủy cũng nổi lên tràn vào xứ Tây, vậy mà ta cứ nhắm mắt để muôn nghìn sinh linh bị tàn sát, dân xứ Tây khổ sở làm than rống rã hai năm dưới gót giày xâm lăng. Ta biết nhưng ta cứ làm vì ta chỉ nghĩ đến ta. Ôi! xấu xa thay là cái tâm vị kỷ!... *(Quì trước mặt Hương-Trinh)* Công - chúa ơi! Tôi còn biết nói năn gì nữa vì quá hổ thẹn lương tâm!... Tôi ghen ngào trước lòng từ-bi cao cả của Hoàng - Hậu, chấp tay khấn vái linh hồn người...

Má-Hùng :

(Đỡ La-Hầu dậy) Bệ-hạ đã biết hối hận thì tội lỗi đã nhẹ đôi phần.

La-Hầu :

Tôi đã cướp ngôi của Đại-Đế Thành-Tông thì giờ đây chiếc ngai vàng tôi xin trả lại cho Công-chúa.

Má-Hùng :

Điều ấy tôi không bao giờ nghĩ đến. Bệ-hạ cứ giữ ngôi vua mà chấp 'chánh, nhưng tôi khuyên Bệ-hạ điều thứ nhất là luôn luôn đặt quyền lợi Tô-quốc, hạnh phúc của trăm họ lên trên chiếc ngai vàng. Nếu thí dụ, đến hồi Bệ-hạ cần thoái vị thì thế 'nước mới yên, Bệ-hạ nên thoái vị ngay đừng do dự, đừng ôm chặt lòng tham. Vì đó là việc làm của các bậc Thánh - vương đầy đức từ bi cứu khổ cứu nạn. Điều thứ hai là Bệ-hạ hãy lấy đạo lành mà dạy dỗ, lấy phước

thiện ân đức cảm hóa muôn dân. Bệ-hạ không nên cầm gươm mà trị trước, vì bạo tàn không thắng nổi ý chí hợp quần. Bệ-hạ càng chém, đầu người càng mọc, Bệ-hạ càng đâm máu hận càng phun lên. Chiêng trống thanh la đồ hồi, gươm dao cộ sát, ngựa hý loa vang, muôn binh gào thét, tất cả những tiếng ấy dồn lại không nghe xa bằng một hồi chuông cảnh tỉnh.

La-Hầu : Trẫm xin ghi những lời vàng ngọc của Công-chúa, nhưng xin Công-chúa về với Trẫm.

Má-Hùng : Cái đau khổ nhất đời tôi là phải sống trong nghịch cảnh. Tôi thù bệ hạ mà ân nghĩa Bệ-hạ tôi phải đền đáp, cái danh dự làm người tôi phải tôn trọng Bệ-hạ tin tôi mà trao thanh gươm vô hữu đề hộ giá Bệ-hạ thì tánh mạng Bệ-hạ tôi phải giữ gìn, nếu không có tôi Bệ-hạ đã bị thích khách năm kia rồi. Bởi vậy ngày thì gượng vui đem tài năng khuông phò Bệ-hạ, mà đêm đêm nghĩ đến thù nhà giòng lệ chan hòa trên gối. Nhưng nay hận cũ đã xóa bỏ, tôi có thể ở với Bệ-hạ như ở với Phụ hoàng tôi, nhưng mùi danh lợi tôi đã chán, xin Bệ-hạ đề cho tôi mượn cánh thuyền môn làm chỗ dưỡng tánh tu tâm, đem thân này phụng sự cho đạo lý bình đẳng từ-bí...

La-Hầu : *(Ngồi lê xuống)* Công - chúa không về thì tôi quyết ngồi mãi đây.

Má-Hùng : *(Suy nghĩ)* Nếu vậy tôi xin vàng thánh ý. Nhưng giấc ngủ say làm cho Bệ - hạ nặng nề trí óc, Bệ-hạ hãy đi rửa nước suối cho tinh thần trở lại minh mẫn.

La-Hầu : *(Lật đật đứng dậy)* Trẫm đi ngay. . . *(La-Hầu ra)*.

Má-Hùng : Thái-Giám ơi! Ngày ra đi Thái-Giám dặn tôi! Công-chúa Hương - Trinh sẽ lộ hình khi nào hai chữ « phục thù » khắc bằng son trên tay, vẽ thành máu trong cung điện nhà vua, nhưng nay nó

đã không vẽ thành máu thì phải được rửa sạch
bên dòng suối... (đến suối trập cánh tay rửa một
lát về chỗ cũ). Thế là oán cừu xóa sạch, vì tôi
đã nhờ Nước Tịnh Rửa Thù, nhưng Bệ-hạ ơi!
Tôi không thể về với Bệ-hạ được. Vậy thanh
gươm vô hữu tôi xin trả.. (Treo gươm lên
cành cây) Xin biệt từ Bệ-hạ nơi rừng xưa tôi
trở lại... (ra) Mã - Hùng vừa ra thì La - Hầu
vào ngay.

La-Hầu : (Vọt vĩa) Công - chúa! Công - chúa! Thôi rồi!
Công - chúa... (Cắm thanh gươm vô hữu nhìn
buồn bã...)

MÀN TỪ TỪ HẠ.

(Kịch này bắt đầu in từ số 8 đến số này)

HẾT

Hộp thư

Quý vị Đại-lý Liên-Hoa Nguyệt-san, qua năm Quý-Mão muốn
nhận thêm hay bớt xin vui lòng cho Tòa-soạn biết gộp trong năm
đề chuẩn bị in số năm mới.

Quý vị độc giả lễ nếu đổi địa chỉ, hoặc vì một lý do đặc biệt
không thể tiếp tục mua Liên-Hoa năm mới nữa, cũng cho biết tin
gặp, kéo như năm qua có nhiều vị đổi địa chỉ mà không cho Tòa
soạn biết, rồi phân nản là mất Liên-Hoa; hoặc có vị đã nhận năm
sáu kỳ Liên-Hoa rồi, khi Tòa soạn gửi thư hỏi tiền mới tin là vì
lý do này khác, xin nghi. Thật là điều bất tiện! Mong quý vị lưu
ý. Xin tri ân quý vị.

Kính chúc quý vị tinh-lấn ủng-hộ Chánh-pháp.

LIÊN HOA

MÁCH THUỐC

Ô Nguyễn Văn Mẫn (Qui-Nhơn)

— 18 tuổi

— Từ hơn nửa tháng nay không biết vì học nhiều hay do một cơ quan nào trong người bị suy yếu mà mắt tôi bị mờ. Bệnh phát ra đầu tiên chỉ có buổi hoàng hôn hay lúc mặt trời gần lặn thì hơi mờ dần, trông mọi vật đều thấy không rõ. Bây giờ cả ngày cũng vậy.

— Bác-sĩ Quy-nhơn đã cho dùng: Collgry Aggrol, Bévétine 250 thì chỉ hơi đỡ một thời gian ngắn. Có uống thuốc Bắc mà bệnh y nguyên.

Trả lời:

Ông bị bệnh Xérophtalmie: lúc đầu là bệnh ngứa không rõ lúc hoàng hôn (héméralopie), tiến triển đến bệnh mờ trông mắt (kératomalacie) cả ngày thấy mọi vật mờ mờ như mắt có dính lớp ghèn ướt. Bệnh của ông đã tiến đến thời kỳ k ratomalacie: thời kỳ thứ ba là thời kỳ loét lở trông mắt (ulc re de la corn e) khó chữa, vậy mong ông điều trị ngay bây giờ liền. Bệnh của ông mà có là vì ăn uống thiếu sinh tố A. Ông nên ăn nhiều cà-rốt, rau, gan; nên uống sữa, dầu mỡ cá. Trị thuốc thì nên dùng theo ph a đầy trong một thời gian vài tháng.

1) B NUTREX: tiêm móng hai ngày một lần. mỗi lần tiêm 1cm³.

2) A-VIBON 500: mỗi một tháng uống một ống.

C  L. t. B-Ngọc (Qui-nhơn)

—  m, xanh xao lắm.

— Hai tháng nay đau bụng luôn, khi đau khi hết. Đến Bác-sĩ khám cho là s n l i, về x  không thấy ra và vẫn cứ bị đau. Đi đồng phân ra rất nhiều.

Trả lời:

— Có lẽ là có bị đau bụng qu ng, sưng ruột.

— Có nên điều trị như dưới đây:

1) PEPTEX: uống 1 viên 10 phút trước mỗi bữa cơm ngày 3 lần.

2) AMPHOSYNTHYL: uống 20 giọt mỗi lần, sau sớm trưa và một lần trước cơm tối, uống trước độ 15 phút.

C  Mỹ-Hạnh (Hu )

— Mặc bệnh s n xơ-mit từ 10 năm nay, đã x  nhiều lần theo toa của các Bác-sĩ mà không có hiệu quả.

— Mang bệnh lâu năm như vậy con bạch-thốn-trùng có thể làm chết mình được không?

— Bạch-thốn-trùng có làm hại đến buồng trứng không?

— Muốn x  nó ra phải dùng thuốc gì hiệu nghiệm nhất.

Trả lời:

1) Bạch-thốn-trùng không làm chết người được.

2) Nó cũng không làm hại đến buồng trứng, không có hại gì về việc sinh nở sau này.

3) Có đã xỏ nhiều thuốc sán nó lớn thuốc. Khuyến cáo nên dùng *Yomesane Bayer* tốt hơn là dùng *PLATH-LYSE* với độ lượng mạnh.

Ô Lê t. Tường (Quảng-trị)

- 1) 25 tuổi; hay lãng quên, dùng thuốc gì?
- 2) Hai tháng nay nổi mụn ngứa trong da to bằng hạt bắp, độ ngày sau nó lặn xuống và tiếp tục như thế mãi.
- 3) Ban ngày đi làm thường hay ngủ gục.
- 4) Vì hiếu học chỉ ngủ mỗi đêm độ ba bốn tiếng đồng hồ. Có thuốc gì nống để cho đỡ buồn ngủ để học?
- 5) Sáng nào tối cũng uống huyết bò tươi (bò đang còn tơ) có hại gì không, có hợp vệ sinh không, có sinh bệnh gì không?

Trả lời:

1) Lãng quên thì phải tự tập-lấy, không có thuốc nào điều trị được. Trừ khi vì bệnh hoạn mà người suy yếu, các bộ phận trong người sút kém làm người mệt mỏi; trong trường hợp đó trị cho lành bệnh khỏe mạnh lên để tinh thần minh mẫn ít lãng quên. Tuy nhiên ông nên uống *GLUTAMINOL* (hoặc loại tương tự trong có chất acide glutamique).

2) Muốn trừ mụn ngứa ông theo phải đây: chích *HYPOSULFAN* mỗi ngày 1 ống vào máu, chích 10 ống nghỉ, Uống mỗi ngày 5 muỗng cà-phê *VITALERGAN*. Trước cơm trưa và cơm tối độ 15 phút uống một Dose *DOBILÈNE*.

3. 4. Muốn đỡ buồn ngủ để học đêm có thể uống cà-phê đậm. Nhưng lâu dần cũng quen cà-phê, với lại uống nhiều cũng độc cho não và gan cũng vì đêm ít ngủ nên ngày đi làm ông hay ngủ gục. Vậy ban đêm ngủ nhiều hơn lên cho khỏe người (mỗi ngày ngủ ít nhất 8 tiếng đồng hồ).

5. Uống huyết bò tươi tốt, không có hại gì, miễn là sạch sẽ.

Ô. P. An KBC 4447 (Quảng-trị)

1). Muốn xỏ sán kim thì phải uống thuốc nào cho hiệu quả (cách dùng và số lượng thuốc). Xỏ các sán khác dùng thuốc gì.

2). Con nít từ 4 đến 10 tuổi bị đau nặng nay đã khỏi nhưng yếu lắm. Cách nuôi dưỡng và thuốc bồi bổ ra sao?

3). 35 tuổi, ngồi lâu hay bị đau lưng; mắt kém, xem chữ như một hồi thì bị cay ở trong.

Trả lời:

1) Xỏ sán kim có thể dùng *NÉOBÉDERMINE*. Độ lượng và cách dùng có sẵn trong chai thuốc, ông nên xem theo đó mà dùng (tùy tuổi và sức nặng của các con của ông). Thuốc đó có thể dùng để xỏ cả sán dũa và sán cầu trùng.

2) Cho ăn thịt bò, rau tươi cho nhiều. Cho uống *GLOBIRON* bổ huyết và uống *VIDAYLÍN* thêm sinh tố cho cơ thể.

3) Chích *SULFOIODINE* mỗi ngày 1 ống vào móng, chích trong 10 ngày nghỉ 10 ngày chích lại 10 ngày. Dùng thuốc *DECADRON EYE-EAR DROPS* mà giọt vào mắt ngày hai lần, 2 giọt vào mỗi mắt.

Bác-sĩ N-A
Y-Khoa Đại-Học PARIS
213 Huỳnh-Thúc-Kháng - Huế

TIN TRONG NƯỚC

Lễ cầu siêu Thầy Tâm-Chơn hiệu Viên-Quang Quảng-Ngãi.

— Ngày Phật Thành - đạo 8-12 Âm-lịch, tất cả các chùa các niệm Phật đường ở Quảng - Ngãi đều thành kính cử hành lễ cầu siêu cho thầy Viên-Quang bị ám sát vào lúc 9 giờ sáng ngày 30 tháng 10 Nhâm-dần vừa rồi tại Di-Lăng Sơn - Hà tỉnh Quảng - Ngãi, trong lúc thầy đi hoạt động kiến thiết lại ngôi chùa Kim-Quang (Di-Lăng)

Cái chết của thầy Viên-Quang đã gây xúc động và phẫn uất cho toàn thể Phật-tử Việt-Nam nhất là ở Quảng-Ngãi.

Đành rằng, Thầy Viên - Quang dù có chết, việc làm của Thầy đã có người kế tiếp và phong trào Phật-giáo vẫn phát triển. Nhưng kẻ âm mưu ám sát thầy không thể che dấu nỗi sự hiểu biết của nhân dân và không sao tránh khỏi định luật nhân quả báo ứng.

Thề theo hạnh Từ-bi của đức Phật, chúng ta hãy nên cầu nguyện cho những kẻ đã man rợn ác kia mau trở về đường chánh và hy vọng những cảnh đâm máu đau thương như thế không còn tái diễn trên đất Việt-Nam nữa.

Đại-hội Gia - đình Phật - tử Thừa-thiên. — Đại-hội Gia-đình Phật-tử Thừa-thiên đã tổ chức vào 2 ngày 5 - 6 tháng 1 năm 1963 tại Chùa Từ-dâm. Có đại-biểu trên 150 Gia đình toàn tỉnh tham dự. Trong dịp này có phát phần thưởng cho các em thi lên cấp và cuộc vui chung cho con các anh chị Huỳnh-trường.

Triển lãm văn-hóa Gia-đình Phật-tử Trung-phần. — Gia-đình P. T. Trung-phần đã tổ chức triển lãm văn-hóa tại Chùa Từ-dâm, từ ngày 2 đến 7 tháng 1 năm 1963. Cuộc triển lãm này lôi kéo rất đông khán giả xa gần đến dự và những sản phẩm được trưng bày đã nói lên sức lớn mạnh về văn-hóa của Gia-đình Phật-tử Trung-phần.

Đại Hội - đồng Tông - hội Phật-giáo Việt-Nam lần thứ 6 tại chùa Xá - Lợi Sài-gòn.

— Đại Hội-đồng Tông-hội Phật-giáo Việt - Nam lần thứ 6 đã cử hành vào ngày 30-11 đến ngày 3-12-1962 tại chùa Xá-Lợi Sài-gòn có đông đủ đại-biểu 6 tập đoàn trong Tông-hội là: Giáo-hội Tăng-già Nam-Việt Hội Phật-học Nam-Việt, Giáo - hội Tăng-già Trung-Việt Hội Phật-giáo Trung - Việt, Giáo-hội Tăng - già Bắc - Việt và Hội Phật-giáo Bắc-Việt tại miền Nam, dưới sự chủ tọa Hòa-thượng Thích-Tịnh-Khiết Hội - chủ Tông-hội Phật-giáo Việt-Nam. Trong thời gian Hội-nghị các đại-biểu đã thảo luận nhiều Phật-sự quan trọng và đã thảo hoạch nhiều kết quả tốt đẹp.

Hoạt động Ban Hoàng-pháp miền Nam. — Ngày 15-10-1962, Phái-đoàn Giảng-sư Nam-Việt đến giảng tại Trung - tâm Cải-Huấn ở Phong - Dinh và làm lễ quy-y cho hơn 150 phạm-nhân.

Ngày 1 - 11 - 1962 nhân lễ kỷ niệm chiến-sĩ trận vong, trường Sĩ-quan hành chánh tại Gò - Vấp có tổ chức một lễ cầu siêu rất long trọng, sau lễ có cuộc thuyết pháp do Giảng-sư Thích Thiện - Định thuyết trách.

Ngày 15, 16 - 12 - 1962 Phái-đoàn Giảng-sư Nam-Việt đã đến khánh thành chùa Long - Hòa do Trung-tâm Huấn - Chính Phú - Lợi (Bình-Dương) sáng lập. Lễ khánh thành này có chính quyền cấp địa phương, rất đông Sĩ-quan và Quân-nhân các đơn vị lân cận tham dự.

Ngày 17-12-1962 Thượng - tọa Trưởng ban Hoằng - pháp Nam-Việt cầm đầu Phái-đoàn đi giảng diễn và kiểm soát tình hình Phật-giáo ở miền Tây Nam-Phần trong vòng một tháng

Khánh thành Thư - Viện Phật - giáo. — Lễ khánh thành Thư-Viện Phật-học-viện chùa Ấn-Quang Chợ-Lớn đã cử hành rất long trọng lúc 8 giờ 30 ngày 14-12-1962. Đến dự lễ khánh thành này có quý Thượng-tọa trong Giáo-hội Tăng - già Nam - Việt, Ông Nguyễn - đăng - Thục đại-diện ông Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục, rất đông thiện trí thức ở Thủ-đô và các Giáo-sư người Pháp, Mỹ.

TIN THẾ GIỚI

Đại-đức Minh-Châu diễn thuyết về Gia-đình Phật-tử tại Ấn - Độ. — Buổi giảng về Gia-đình Phật-tử tại giảng đường Hội Phật-giáo Calcutta vào ngày 29-12 Do Đại-đức Minh-Châu trình bày đã đem lại nhiều hứng thú mới mẻ cho các Phật - tử trí thức và những nhà hữu tâm đến vấn đề giáo dục thanh thiếu niên ở đây. Đại - đức đã triển lãm rất nhiều hình ảnh, sách báo, và nhạc đề chứng minh cụ thể sức sống mới mẻ trẻ trung của Gia - đình. Hội Phật-giáo ở đây đã họp và dự định thành lập Gia-đình Phật-tử. Đại-đức Minh-Châu sẽ tiếp

tục diễn thuyết về Gia-đình Phật-tử tại các đô thị lớn ở Ấn-độ và nếu được nay mai sẽ in bài giảng về Gia-đình Phật-tử (bằng tiếng Anh) và các hình ảnh đề, giới thiệu Gia - đình Phật-tử V.N. với các nước Phật-giáo trên thế giới.

Trên 5.000 thí sinh thi về ngành giáo-sư giáo-lý Phật-giáo tại Tích-lan. — Do Tổng-hội Thanh-niên Phật-tử Tích-Lan tổ chức, trên 5.000 thí sinh đã thi làm Giáo-viên giáo lý Phật-giáo tại 60 địa điểm khác nhau trên toàn lãnh thổ Tích-Lan — Ông Dilimuni Tổng thư ký của các ban giám khảo của hội Thanh niên Phật-tử Tích-Lan đã nói rằng cuộc thi này sẽ được thừa nhận là một cuộc thi thích đáng có giá trị cho những ai muốn dự thi bằng cấp Giáo-lý ở đại học Tích-Lan. Thỉnh nguyện đã gửi đến ông Bộ-trưởng Giáo dục xin Bộ giáo dục thừa nhận bằng cấp của hội Thanh niên Phật-tử Tích-Lan cấp, và xin các thí sinh đặc cử sẽ được chính phủ bổ nhiệm tại các trường.

Cả hai đại học đường Phật-giáo Vidyalandara và Vidyodaya đều đã thừa nhận giá trị của bằng này cho những ai muốn dự thi Bằng cấp Giáo-lý của Đại-học.

Phép dưỡng sinh cho Phật-tử. — Những người tu theo Zen ở Nhật-bản, đặc biệt các vị sư tu Zen, dùng lối ăn gọi là Shojin-Ryori. Đây là một phép ăn chay đặc biệt của Nhật. Shojin có nghĩa là kiêng ăn thịt thà và Ryori có nghĩa món ăn soạn ra. Shojin-Ryori nghĩa là đồ ăn soạn ra bằng rau quả mà không có thịt thú vật.

Những tu viện Zen không những dùng rau quả làm món ăn hằng

ngày, mà còn dùng tất cả những giống rau cần thiết trồng trên những trại vườn thuộc sở hữu tu viện-Saint Dogen, nhà sư sáng lập phái Zen Tào động ở Nhật, đã học hỏi Zen từ Trung-hoa, được xem như là người tiên phong mở đầu lối ăn chay Shojin-Ryorin bằng cách áp dụng lối ăn chay ở Trung-hoa cho Nhật-bản.

Người ta xác nhận rằng ăn chay gây ra sức khỏe làm người sống lâu. Người tu hành riết ráo nhiều năm, đạt được trí huệ và thuyên định, đặc điếm của thuyên sư Zen không thể không ăn chay mà gặt được thành quả.

Một Thiểu - Tướng Nam-Dương Phật-tử thuần thành qua đời. — Chính phủ Nam-Dương đã cử hành 3 ngày lễ quốc tang trong tháng 6 dương lịch trong dịp tướng Subreto, 54 tuổi qua đời ở Thủ - đô Djakarta. Ông đã tỏ chức quân-đội Cộng - Hòa Nam-Dương trong những năm đầu của cuộc cách mạng quốc - gia Nam-Dương và lãnh đạo chiến tranh du kích tại Java trung ương trong thời chiến tranh giành độc lập của Nam-Dương 1945-1949.

Ông là một Phật-tử thuần thành đã cố gắng thích thú truyền bá Phật-giáo tại Nam-Dương

Mời bà Thủ-tướng Bandaranaike qua viếng Phật viện Sanchi (Ấn-độ). — Đại-đức Pa-gnatissa Thera chủ trì tu viện Sanchi ở tỉnh Bhopal Ấn-độ, đã đến Tích-Lan do lời mời của hội Maha Bodhi Tích-Lan đề dự lễ Phật-dẫn tại Mandiraya Đại đức đã nói: nhân dịp này Đại-đức đã mời

bà Thủ-tướng Bandaranaike của Tích-Lan và vị Thống-đốc Tích-Lan ông Gopallawa qua Ấn-độ viếng Phật viện Sanchi vào tháng 12 năm nay để khánh thành Trung-tâm Thuyên-dịnh và Thư-viện Phật-giáo ở Sanchi. Bà Thủ-tướng Bandaranaike đã đặt viên đá đầu tiên xây dựng Trung tâm này vào tháng giêng 1961 và công việc xây cất đến nay đã hoàn thành Chính phủ Tích-Lan đã biểu 15.000 rupi, và chính phủ Ấn biểu 1.200.000 rupi để xây cất ngôi nhà 2 tầng này.

Phải bảo vệ tôn giáo chúng ta. — Tại trung tâm Tham thuyên Quốc tế ở Colombo khi chủ tọa buổi lễ đệ thất chu niên của hội thuyên định Lanka Vipassana, bà Thủ-tướng Tích-Lan Bandaranaike đã nói: « chúng ta không nên xử tệ hay có sự sai biệt với các tôn giáo khác, nhưng chúng ta phải bảo vệ và duy trì xứ sở, quốc gia và tôn giáo của chúng nếu chúng ta thật sự sống theo đời sống của Phật tử chân chính » Ông Tổng-Thống Đốc W. Gopallawa của Tích-Lan cũng có mặt trong buổi lễ. Bà Thủ-tướng nói rằng trong bảy năm qua, hội Thuyên định đã không được sự hiện diện vinh hạnh của vị Thống Đốc vì xứ sở chưa có một Thống Đốc Phật-tử, thật là một diếm lành mà hội đã có thể mời một vị Thống Đốc đến dự lễ.

Ông Thống-Đốc nói rằng, nếu dân chúng thực hành Thuyên định thì họ có thể thu hoạch kết quả tốt đẹp, ông cũng giải thích mọi khía cạnh của Thuyên-dịnh và nói Thuyên định sẽ giúp cho họ quên mọi sự sai biệt tiêu toái và thực hiện hòa bình. Đại đức Gunasir chủ trì Trung-Tâm Tham Thuyên

nói rằng, nên cho các tù nhân được huấn luyện Tham Thuyền và khi họ đã cải hóa được, thì họ nên được giải phóng.

Những ngày vía phải được xem là ngày nghỉ lễ chính thức. — Đa số Hội - viên trong Hội-đồng Giáo-dục Quốc-gia đều đồng ý là tất cả những ngày lễ vía Phật phải được xem là những ngày nghỉ lễ chính thức. Những Hội - viên ấy đang thảo luận vấn đề đệ nạp thỉnh cầu ấy lên chính phủ, họ cũng đồng quan điểm là nên xem những ngày chủ nhật là những ngày nghỉ lễ chính thức hàng tuần cho phái Cơ-đốc-giáo.

Những tín-đồ Ấn - độ giáo và Hồi - giáo nhận thấy nên sắp đặt một cách thích đáng cho họ được hưởng những ngày nghỉ lễ chính thức hàng tuần của họ. Họ có ý kiến là những ngày vía phải là những ngày nghỉ lễ hàng tuần cho tất cả học sinh các trường vì đa số học sinh đều là Phật-tử.

Đa số Hội - viên của Hội-đồng Giáo-dục Quốc-gia cảm nhận rằng sự thực hành ngày nghỉ chủ nhật là một sự « chuyển giao » của thời kỳ thuộc địa để lại, một Quốc-gia Phật-giáo như Tích-Lan, bây giờ đã tự do, phải có cách thức riêng biệt trong sự ban bố những ngày nghỉ lễ hàng tuần.

Một nhà Sư được ghi ân.

— Cao-ủy Anh-quốc tại Tích-Lan, ông Anderson đã tỏ lòng tri ân một vị Sư Tích Lan đã cứu một viên phi công người Anh trong một vụ thả bom xuống Thủ - đô Colombo do phi cơ Nhật - bản vào tháng 4 năm 1962. Ông Anderson nói rằng trong khi phi cơ Nhật oanh tạc

thì một viên phi công Anh chiến đấu với phi cơ Nhật, bị rơi ra khỏi chiếc phi cơ bị cháy của anh ta, và rơi cùng một chỗ với phi cơ gần chùa Kelaniya. Trong khi đó đại đức Sangharakshita đã lấy pháp y của mình choàng lên viên phi công Anh làm anh ta khỏi bị bỏng vì phi cơ Nhật đang đuối theo.

Hội - trường Hội Phật-giáo Luân-Đôn đến Ấn-Độ. — Trong tháng 4 dương-lịch, ông Chritimas Ilumyohreys, Hội - trường Hội Phật-giáo Luân-Đôn, đã đến Ấn-Độ để gặp đức Đạt-Lai Lạt-Ma bàn về vấn đề tị nạn của dân Tây-tạng đã, viếng thăm Hội Maha Bodhi Ấn - Độ ở Calcutta và đã thảo luận với ông Tổng Thư-ký Vali-sinh của Phật-giáo Ấn-Độ Maha Bodhi về các vấn đề Phật-giáo chung.

Phái đoàn Phật-giáo ở Hồi-Quốc yết kiến Tổng - Thống Hồi-Quốc. — Tổng - Thống Hồi-Quốc Ayul Khan đã tiếp kiến một phái đoàn đại diện cho Hội Tăng-già Phật-giáo Tây - Hồi, một tổ chức truyền bá văn - hóa và giáo-lý Phật - giáo. Phái đoàn do vị Hội - trường cầm đầu. Đại - đức Visuddhananda, và đã gặp Tổng-Thống tại Dacca. Phái đoàn đã đệ trình một giắc thư của phái đoàn trong đó nói rằng Hội Tăng-già Phật-giáo Tây-Hồi gồm 500.000 Phật-tử ca tụng những công ích của chính thể hiện tại ở Hồi-Quốc về sự, mở mang xứ sở và những hình thức cứu trợ trong mọi lãnh vực cho đoàn thể Phật-giáo nói riêng.

Hãng Trà

VĂN AN THÁI

Số 18, đường Chi-Lãng (Gia-Hội cũ) Huế.

Bồn hiệu khai-trương đến nay đã được năm năm, được sự chiếu cố nồng-hậu của quý vị, chúng tôi rất lấy làm cảm tạ. Nay nhân ngày kỷ-niệm đệ ngũ chu niên của bồn hiệu, và để đáp lại tâm thành-tinh của mọi giới, chúng tôi đặc tuyên cho ra thêm một loại Trà mới hiệu « BẢO THÁP ».

Đặc điểm của Trà « BẢO THÁP » là: nước xanh, cánh nhỏ, hương vị ngào ngạt, giá hạ, rất hợp vệ-sinh, thường dùng thì tinh thần thêm sảng-khoái, sức khỏe thêm dồi-dào, rất hợp với mọi gia-đình.

Trà gói đẹp, mỹ quan, dùng dè lé và tặng rất xứng đáng.

XIN LƯU Ý: Ngày xuất-phẩm, chúng tôi sẽ biểu Trà và Lịch Năm 1963 cho quý vị nào chiếu cố đến nhân-hiệu mới.



HÀNG VẬN-TÀI
TÀI-HUNG

Nhận thay khách hàng chuyển vận hàng hóa
Bằng xe lửa trên đường SAIGON-ĐÀ-NẴNG-HUẾ
Nhận thay khách hàng mua và bán hàng hóa

96, Đại-lộ Không-Tử CHOLON
Điện Thoại 36961

62, Bến Bạch-Đằng ĐÀ-NẴNG
8, Tô Hiến-Thành HUẾ

Hiệu Phước Thọ Đường

28, Đại-lộ ĐỒNG-KHÁNH ĐÀ-NẴNG (Việt-Nam)



Buôn bán thuốc bắc và Đại-lý
Cao Đơn Hoàn Tán

Hồng - Phúc

- Chuyên môn chế tạo các loại nhang
trầm do người Việt-Nam sáng chế,
- Rất tinh khiết làm vừa lòng quý
khách xa gần.
- Chuyên bán Hương, Đèn, Trầm,
Trà và Thực-phẩm.

HỒNG-PHÚC

101/ A Phan-Bội-Châu 101/ A
— H U Ế —

Nhà in LIÊN-HOÀ, đường Lam-Son, 1 kiệt Từ-Quang — Huế

LIÊN HOA

NGUYỆT SAN

CƠ-QUAN HOÀNG PHÁP CỦA
GIÁO-HỘI TĂNG GIÀ TOÀN QUỐC

CHỦ-NHIỆM :

THÍCH ĐÔN-HẬU

QUẢN-LÝ : THÍCH
NỮ DIỆU KHÔNG

Thư từ và ngân-phiếu đẽ :

THẦY THÍCH ĐỨC TÂM

Tổng thư-ký tòa-soạn

66, đường Chi-Lăng

Hộp-thư 24 — Huế

*Mua trọn năm mười hai số trả trước
tại Huế 110\$00 — Các Tỉnh 120\$00*